

MỞ ĐẦU	3
1- Lý do chọn đề tài	3
2- Mục đích nghiên cứu	4
3- Nhiệm vụ của đề tài	4
4- Phạm vi nghiên cứu	5
5- Phương pháp nghiên cứu	5
6- Khả năng đóng góp của khóa luận	5
7- Bố cục của khóa luận	6
1.1.1 Khái niệm	7
1.1.2 Phân loại tài nguyên	7
1.2. Tài nguyên du lịch	8
1.2.3.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên	12
1.4. Môi quan hệ giữa tài nguyên du lịch và du lịch trong sự phát triển	21
1.4.1 Tác động của tài nguyên du lịch tới du lịch	21
1.4.2. Tác động của du lịch tới tài nguyên du lịch	23
1.5. Văn hóa	27
1.5.1 Các khái niệm về văn hóa	27
1.5.2. Văn hóa và môi trường	28
1.5.3. Văn hóa và kinh tế	29
1.5 Du lịch	30
1.5.1 Khái niệm Du lịch	30
1.5.2 Một số loại hình du lịch	31
1.6. Môi quan hệ của du lịch và văn hóa trong sự phát triển	32
1.6.1. Tác động của văn hóa tới du lịch	32
1.6.2. Tác động của du lịch tới văn hóa	33
Tiểu kết chương 1	35
CHƯƠNG 2 TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA	36
DU LỊCH Ở LƯU VỰC SÔNG GIÁ	36
2.1. Khái quát chung về huyện Thủy Nguyên	36
2.1.1 Vị trí địa lý	36
2.1.2 Địa hình	36
2.1.3 Khí hậu	37
2.1.4 Thủy văn	37
2.1.5 Điều kiện lịch sử- xã hội- kinh tế	38
2.1.5.1. Lịch Sử	38
2.1.5.2 Xã hội	38
2.1.5.3 Kinh tế	39
2.2. Sông Giá_ địa văn hóa và lịch sử	41
2.3 Tài nguyên du lịch nhân văn ở lưu vực sông Giá	43
2.3.1 Di chỉ khảo cổ học Tràng Kênh	43
2.3.2 Đền thờ Trần Quốc Bảo	44

2.3.3	Cụm di tích lịch sử Liên Khê.....	46
2.3.4	Chùa Mỹ Cù.....	50
2.3.5	Hang vua	52
2.3.6	Các lễ hội	53
2.3.7	Làng nghề truyền thống.....	55
2.3.8	Công trình kiến trúc mới.....	55
2.4.1	Hoạt động lễ hội các di tích đền, chùa, hang động.....	57
2.4.2	Hoạt động của các làng nghề.....	57
2.4.3	Hoạt động của các công trình kiến trúc	58
2.4.4	Các hoạt động trên Sông Giá	58
2.5	Đánh giá chung	59
2.5.1	Những lợi ích từ du lịch mang lại	59
2.5.1.1	Phát triển kinh tế xã hội ở lưu vực sông Giá.....	59
2.5.1.2	Môi trường xanh- sạch- đẹp	59
2.5.1.3	Hình ảnh Sông Giá được quảng bá thông qua du lịch	60
2.5.2	Những hạn chế cần khắc phục	60
2.5.2.1	Môi trường sinh thái	60
2.5.2.2	Quy hoạch phát triển lưu vực Sông Giá.....	61
2.5.2.3	Phương cách tận dụng nguồn tài nguyên nước của Sông Giá	62
	Tiểu kết chương 2	62
	Chương 3 Định hướng và một số giải pháp phát triển du lịch	63
	ở lưu vực sông Giá huyện Thủy Nguyên.....	63
3.1	Vai trò và đóng góp của sự phát triển văn hóa du lịch ở lưu vực sông Giá	63
3.2	Định hướng phát triển loại hình du lịch của lưu vực sông Giá.	63
3.3	Một số giải pháp phát triển văn hóa du lịch trên lưu vực sông Giá_ huyện Thủy Nguyên.....	64
3.3.1	Giải pháp quy hoạch đồng bộ tuyến du lịch sông Giá.....	64
3.3.2	Giải pháp về mặt quản lý.....	66
3.3.3	Giải pháp về mặt đầu tư	68
3.3.4	Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực.....	70
3.3.5	Tăng cường sự phối hợp giữa các địa phương, các ngành chức năng xây dựng tuyến điểm du lịch phù hợp	71
3.3.6	Biện pháp tuyên truyền quảng bá hình ảnh du lịch	72
	Tiểu kết chương 3	73
	KẾT LUẬN	74

MỞ ĐẦU

1- Lý do chọn đề tài

Hiện nay trên thế giới ngành du lịch là ngành kinh tế đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của mỗi quốc gia nói chung và ở các địa phương nói riêng. Mỗi năm du lịch đóng góp cho nền kinh tế những nguồn lợi đáng kể. Hơn thế nữa trong cuộc sống hiện nay nhu cầu du lịch là nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống con người. Đời sống con người mỗi ngày đều được cải thiện, khi đời sống vật chất đầy đủ người ta sẽ cải thiện đời sống tinh thần bằng nhiều cách khác nhau trong đó đi du lịch được coi là cách giải trí tốt và bổ ích nhất. Đi du lịch không đơn thuần chỉ là đi chơi mà còn là đi khám phá tìm hiểu những cái chưa biết, đi đến với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt nhất...

Chính vì nhận thức được những lợi ích mà du lịch đem lại cho kinh tế cũng như cho đời sống con người hiện nay Đảng và Nhà nước ta đã xác định du lịch là một ngành dịch vụ, ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước trong tình hình hiện nay và trong tương lai, đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Ở nước ta hiện nay ngành du lịch cũng đang phát triển rất mạnh mẽ và hứa hẹn nhiều triển vọng.

Hải phòng là một trong mười trung tâm du lịch lớn của cả nước nhưng hiện nay chỉ phát triển được một số trọng điểm du lịch như Đồ Sơn, Cát Bà. Còn rất nhiều tiềm năng du lịch chưa được khai thác nhất là ở các huyện ngoại thành của Hải Phòng mà tiêu biểu là huyện Thủy Nguyên.

Huyện Thủy Nguyên nói chung và lưu vực sông Giá nói riêng được đánh giá là nơi có tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng. Tuy nhiên hầu hết các nguồn tài nguyên

này con đang tồn tại dưới dạng tiềm năng, chưa được khai thác hoặc có khai thác thì hiệu quả tương đối thấp nên gây lãng phí tài nguyên du lịch. Để khai thác được các tài nguyên đáp ứng cho nhu cầu du lịch hiện nay thì rất cần đến sự quan tâm của cộng đồng, của các cơ quan chức năng chứ không chỉ riêng những người làm công tác du lịch.

Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Lưu Kiếm nơi có con sông Giá chảy qua, bản thân người viết muốn tìm hiểu, giới thiệu và đề xuất các biện pháp nhằm khai thác tốt các tiềm năng du lịch của địa phương, góp phần nhỏ bé vào sự phát triển của quê hương. Xuất phát từ lý do trên người viết đã lựa chọn đề tài “ Khai thác tài nguyên nhằm phát triển văn hóa du lịch ở lưu vực sông Giá huyện Thủy Nguyên_ thành phố Hải Phòng ” làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

2- Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài là xác định thực trạng du lịch của huyện Thủy Nguyên và du lịch lưu vực sông Giá nhằm đánh giá, phân tích các tài nguyên du lịch tạo ra các sản phẩm du lịch nhằm thu hút khách, đóng góp cho sự phát triển du lịch chung.

3- Nhiệm vụ của đề tài

- Tìm hiểu tổng quan những vấn đề lý luận về tài nguyên du lịch, du lịch và văn hóa
- Xác định tài nguyên du lịch lưu vực sông Giá có thể phục vụ du lịch
- Đánh giá thực trạng và tiềm năng phát triển trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp để phát triển du lịch

4- Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu tài nguyên du lịch của các địa phương nằm trên lưu vực sông Giá huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng

5- Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp sưu tầm, điền dã

Để có thể tìm hiểu được hết những tài nguyên du lịch ở các địa phương khác nhau cũng như lấy được các thông tin, tư liệu..thì đây là phương pháp rất quan trọng trong quá trình tích lũy tư liệu phục vụ việc làm khóa luận.

- Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh

Đây là phương pháp được sử dụng để xử lý các dữ liệu sau khi thu thập các tài liệu, các số liệu từ các nguồn khác nhau.

6- Khả năng đóng góp của khóa luận

Cung cấp những đánh giá khách quan và có căn cứ khoa học về tài nguyên du lịch và khả năng phát triển của du lịch tại lưu vực sông Giá huyện Thủy Nguyên.

Một lần nữa góp phần vào việc tôn vinh và bảo tồn giá trị của công trình văn hóa lịch sử, làng nghề và giới thiệu được hình ảnh của những công trình kiến trúc mới.

Đề xuất một số giải pháp để khai thác và phát huy giá trị của tài nguyên du lịch lưu vực sông Giá.

7- Bố cục của khóa luận

Ngoài các phần Mở đầu, Kết Luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục thì nội dung chính của khóa luận chia làm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về tài nguyên và văn hóa du lịch

Chương 2: Tiềm năng phát triển văn hóa du lịch ở lưu vực sông Giá

Chương 3: Định hướng và giải pháp phát triển văn hóa du lịch ở lưu vực sông Giá

Chương 1 Cơ sở lý luận chung về tài nguyên và văn hóa du lịch

1.1 Tài nguyên

1.1.1 Khái niệm

Theo Phạm Trung Lương đã định nghĩa:” Tài nguyên hiểu theo nghĩa rộng bao gồm tất cả các nguồn nguyên liệu, năng lượng, thông tin có trên trái đất và trong vũ trụ bao la mà con người có thể sử dụng để phục vụ cho đời sống và sự phát triển của mình.” Trong mỗi bối cảnh xã hội nào thì hoạt động kinh tế của con người cũng là quá trình sử dụng năng lượng để biến đổi vật chất từ dạng này sang dạng khác có ích cho cuộc sống. Do vậy, vật chất - mà tài nguyên thiên nhiên là một dạng cụ thể của nó, được con người biến đổi mà không làm biến mất nó trong quá trình hoạt động. Vật chất đề cập ở đây cần phải hiểu cả 2 dạng: hữu hình và vô hình.

Theo PGS.TS Trần Đức Thanh :”Tài nguyên bao gồm tất cả các nguồn thông tin, vật chất,năng lượng được khai thác phục vụ cho cuộc sống và sự phát triển của xã hội loài người. Đó là những thành tạo hay tính chất của thiên nhiên, những công trình, những sản phẩm do bàn tay khối óc của con người làm nên, những khả năng của con người...được sử dụng phục vụ cho sự phát triển kinh tế và xã hội của cộng đồng”

1.1.2 Phân loại tài nguyên

Tài nguyên có thể chia làm hai loại lớn: tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên xã hội.

+Tài nguyên xã hội là một dạng tài nguyên đặc biệt của trái đất, thể hiện bởi sức lao động chân tay và trí óc, khả năng tổ chức và chế độ xã hội, tập quán, tín ngưỡng của các cộng đồng người.

+Trong Khoa học môi trường, tài nguyên thiên nhiên được chia thành ba loại

- Tài nguyên tái tạo: Là tài nguyên dựa vào nguồn năng lượng được cung cấp hầu như liên tục và vô tận từ vũ trụ vào trái đất, dựa vào trật tự tự nhiên, nguồn thông tin vật lý và sinh học đã hình thành và tiếp tục tồn tại, phát triển và chỉ mất đi khi không còn nguồn năng lượng và thông tin nói trên. Tài nguyên thiên nhiên tái tạo được có thể kể ra như: Tài nguyên sinh học, tài nguyên năng lượng mặt trời, nước, gió, đất canh tác...

- Tài nguyên không tái tạo: Tồn tại một cách hữu hạn và sẽ mất đi hoặc hoàn toàn bị biến đổi không còn giữ được tính chất ban đầu sau quá trình sử dụng.

- Tài nguyên vĩnh cửu: Có thể xem năng lượng mặt trời là nguồn tài nguyên vô tận, chúng ta có thể phân ra: năng lượng trực tiếp, năng lượng gián tiếp.

+Theo bản chất tự nhiên, tài nguyên còn được phân loại như: Tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng, tài nguyên biển,...

1.2. Tài nguyên du lịch

1.2.1. Khái niệm

Tài nguyên du lịch là loại tài nguyên có những đặc điểm giống những loại tài nguyên nói chung, song có những đặc điểm riêng gắn với sự phát triển của ngành du lịch. Tài nguyên du lịch là một dạng đặc sắc của tài nguyên nói chung. Một số khái niệm tiêu biểu định nghĩa tài nguyên du lịch như sau:

Khái niệm tài nguyên du lịch luôn gắn liền với khái niệm du lịch. Tại điều 10 của Pháp lệnh Du lịch Việt Nam (1999): “Tài nguyên du lịch được hiểu là cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, di tích cách mạng, giá trị nhân văn, công trình sáng tạo

của con người có thể được sử dụng nhằm thoả mãn nhu cầu du lịch; là yếu tố cơ bản để hình thành các điểm du lịch, khu du lịch nhằm tạo ra sức hấp dẫn du lịch”.

Tại khoản 4 (điều 4, chương 1) Luật du lịch Việt Nam năm 2005 quy định :”Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành nên các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch.”

Từ các khái niệm trên thì rút ra khái niệm chung nhất:” Tài nguyên du lịch là tất cả những gì thuộc về tự nhiên và các giá trị văn hóa do con người sáng tạo ra có sức hấp dẫn du khách, có thể được bảo vệ, tôn tạo và sử dụng hiệu quả cho ngành du lịch mang lại hiệu quả về kinh tế-xã hội và môi trường”

Có thể nói rằng, tài nguyên là tất cả các dạng vật chất, tri thức, thông tin được con người sử dụng để tạo ra của cải vật chất hay tạo ra giá trị sử dụng mới. Xã hội loài người càng phát triển thì số loại hình tài nguyên và số lượng mỗi loại tài nguyên được con người sử dụng, khai thác ngày càng gia tăng. Như vậy, tài nguyên du lịch được xem như tiền đề để phát triển du lịch. Thực tế cho thấy, tài nguyên du lịch càng phong phú, càng đặc sắc bao nhiêu thì sức hấp dẫn và hiệu quả hoạt động du lịch càng cao bấy nhiêu.

1.2.2 Đặc điểm

Để khai thác và sử dụng tốt nhất các tài nguyên du lịch, trước hết cần phải tìm hiểu và nghiên cứu các đặc điểm nguồn tài nguyên này. Tài nguyên du lịch sẽ mang cả những đặc điểm của tài nguyên nói chung và những đặc điểm riêng liên quan tới tính chất của ngành du lịch .Tài nguyên du lịch có những đặc điểm chính :

Một số loại tài nguyên du lịch là đối tượng khai thác của nhiều ngành kinh tế xã hội: Các loại tài nguyên đất, nước, khí hậu, sinh vật... được sử dụng cho nhiều ngành kinh tế và sử dụng trong đời sống. Vì vậy trong quá trình phát triển du lịch cần quy hoạch hợp lý với sự phát triển của kinh tế, xã hội.

Tài nguyên du lịch có phạm trù lịch sử nên ngày càng có nhiều loại tài nguyên du lịch được nghiên cứu, phát hiện, tạo mới và được đưa vào khai thác, sử dụng.

Tài nguyên du lịch mang tính biến đổi: Tài nguyên du lịch nếu không được khai thác sử dụng, bảo vệ, tôn tạo, tiết kiệm theo hướng bền vững thì sẽ bị suy thoái, cạn kiệt cả về số lượng và chất lượng

Tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng có các giá trị thẩm mỹ, văn hóa lịch sử, tâm linh, giải trí, có sức hấp dẫn với du khách: Tài nguyên du lịch rất đa dạng và phong phú tạo nên sự phong phú của các sản phẩm du lịch thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa dạng của du khách. Các loại tài nguyên du lịch có giá trị thẩm mỹ cao thì ngày càng hấp dẫn du khách.

Tài nguyên du lịch gồm tài nguyên vật thể và tài nguyên phi vật thể: Tài nguyên du lịch gồm hai loại là vật thể và phi vật thể mà các ngành kinh tế khác thường không sử dụng. Bên cạnh việc khai thác các loại tài nguyên vật thể có thể quan sát, nhìn thấy thì cũng có các giá trị vô hình của tài nguyên cũng được khai thác làm hấp dẫn du khách.

Khối lượng các nguồn tài nguyên và diện tích phân bố các nguồn tài nguyên là cơ sở cần thiết để xác định khả năng khai thác và tiềm năng của hệ thống lãnh thổ nghỉ ngơi, du lịch.

Thời gian khai thác xác định tính mùa của du lịch, nhịp điệu của dòng khách.

Tính bất biến về mặt lãnh thổ của đa số các loại tài nguyên tạo nên lực hút cơ sở hạ tầng và dòng du lịch tới nơi tập trung các loại tài nguyên đó.

Vốn đầu tư tương đối thấp và giá thành chi phí sản xuất không cao cho phép xây dựng tương đối nhanh chóng cơ sở hạ tầng và mang lại hiệu quả kinh tế- xã hội cũng như khả năng sử dụng độc lập từng loại tài nguyên.

Tài nguyên du lịch có khả năng sử dụng nhiều lần nếu tuân theo các quy định về sử dụng tự nhiên một cách hợp lý, thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ chúng.

Tài nguyên du lịch mang tính diễ giải và cảm nhận: Phụ thuộc vào giá trị tự thân của tài nguyên và sự cảm nhận của du khách cũng như trình độ của hướng dẫn viên hướng dẫn cho du khách.

1.2.3 Phân loại tài nguyên du lịch chia làm 2 loại

- Tài nguyên du lịch tự nhiên:

+Địa hình.

+ Khí hậu.

+ Nguồn nước.

+ Sinh vật

- Tài nguyên du lịch nhân văn:

+ Các di tích lịch sử văn hoá, kiến trúc.

- + Các lễ hội.
- + Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học.
- + Các đối tượng văn hoá thể thao và hoạt động nhận thức khác.

1.2.3.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên

*** Khái niệm**

Tại khoản 1 (điều 13, chương II)Luật du lịch Việt Nam năm 2005 quy định: ”Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa hình, địa chất, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên đang được khai thác hoặc có thể sử dụng phục vụ mục đích du lịch.”

Tài nguyên tự nhiên là tổng thể tự nhiên các thành phần của nó có thể góp phần khôi phục và phát triển thể lực, trí tuệ con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ và được lôi cuốn vào phục vụ cho nhu cầu cũng như sản xuất dịch vụ du lịch.

Các thành phần của tự nhiên với tư cách là tài nguyên du lịch có tác động mạnh nhất đến hoạt động du lịch là: địa hình, nguồn nước và thực- động vật.

*** Các loại tài nguyên du lịch tự nhiên.**

a.Địa hình.

- Địa hình là một trong những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên phong cảnh và sự đa dạng của phong cảnh nơi đó. Đối với du lịch, các dấu hiệu bên ngoài của địa hình càng đa dạng và đặc biệt thì càng có sức hấp dẫn du khách.

- Các đơn vị hình thái chính của địa hình là núi, đồi và đồng bằng, chúng được phân biệt bởi độ chênh cao của địa hình.

- + Địa hình đồng bằng tương đối đơn điệu về mặt ngoại hình, ít gây cảm hứng cho

khách tham quan du lịch.

+ Địa hình vùng đồi thường tạo ra một không gian thoáng đãng, bao la... tác động mạnh đến tâm lý của khách ưa thích dã ngoại, rất thích hợp với loại hình tham quan, du lịch cắm trại.....

+ Địa hình miền núi thường có nhiều ưu thế đối với hoạt động du lịch vì có sự kết hợp của nhiều dạng địa hình, vừa thể hiện vẻ đẹp hùng vĩ và thơ mộng của thiên nhiên, vừa có khí hậu mát mẻ, không khí trong lành. Miền núi còn là nơi cư trú của đồng bào các dân tộc ít người với đời sống và nền văn hoá đa dạng đặc sắc.

- Ngoài các dạng địa hình trên, địa hình Karst và địa hình ven bờ có ý nghĩa rất lớn cho tổ chức du lịch.

+ Địa hình ven bờ: Kiểu địa hình ven bờ, các kho chứa nước lớn (đại dương, biển, hồ...) có ý nghĩa quan trọng đối với du lịch..

b. Khí hậu

Khí hậu cũng được coi là một dạng tài nguyên du lịch. Trong các chỉ tiêu về khí hậu, đáng lưu ý nhất là hai chỉ tiêu: nhiệt độ và độ ẩm không khí. Ngoài ra còn phải tính đến các yếu tố khác như gió, áp suất khí quyển, ánh nắng mặt trời, các hiện tượng thời tiết đặc biệt.

Điều kiện khí hậu có ảnh hưởng đến việc thực hiện các chuyến du lịch hoặc hoạt động dịch vụ du lịch. Nhìn chung, những nơi có khí hậu ôn hoà thường được du khách ưa thích. Những nơi có nhiều gió cũng không thích hợp với phát triển du lịch. Mỗi loại hình du lịch thường đòi hỏi những điều kiện khí hậu khác nhau. Tính mùa của khí hậu ảnh hưởng rất rõ rệt đến tính mùa vụ trong du lịch.

c. Nguồn nước

Tài nguyên nước bao gồm nước chảy trên mặt và nước ngầm. Đối với du lịch thì nước mặt có ý nghĩa quan trọng. Nó bao gồm nước đại dương, biển, sông, hồ (tự

nhiên, nhân tạo), suối phun, thác nước...

Nhằm mục đích du lịch, nước được sử dụng theo nhu cầu cá nhân, theo độ tuổi và nhu cầu quốc gia. Nói chung giới hạn về nhiệt độ của lớp nước trên mặt tối thiểu có thể chấp nhận được là 180°C đối với người lớn, trên 200°C đối với trẻ em, ngoài ra còn phải chú ý tới tần số, tính chất của sóng, độ sạch của nước...

Đối với du lịch thể thao nên đánh giá tài nguyên cá, khả năng đánh bắt, bảo vệ cá

Tài nguyên nước mặt không chỉ có tác dụng hồi phục trực tiếp mà còn ảnh hưởng nhiều đến thành phần khác của môi trường sống, đặc biệt nó làm đi khí hậu ven bờ.

Nước ngầm nhìn chung ít có giá trị đối với du lịch, tuy nhiên cần phải nói tới tài nguyên nước khoáng. Đây là nguồn tài nguyên có giá trị du lịch an dưỡng và chữa bệnh.

d. Sinh vật

Ngày nay thị hiếu về du lịch ngày càng trở nên đa dạng. Sau thời gian lao động mệt mỏi, con người cần được nghỉ ngơi để hồi phục sức khỏe, đảm bảo khả năng lao động lâu dài... Việc đi du lịch đến các nơi có phong cảnh đẹp, thiên nhiên trong lành,... là cách nghỉ ngơi rất tốt. Bởi lẽ, con người cũng như mọi sinh vật đều được phát sinh và phát triển trong môi trường tự nhiên – nguyên thủy – một môi trường hoàn toàn trong lành và ổn định. Con người đã thích nghi với môi trường đó. Giờ đây sống trong một xã hội phát triển, có những điều kiện thuận lợi do con người tạo ra, nhưng đồng thời môi trường lại bị ô nhiễm, biến đổi bất lợi cho cuộc sống của con người.

Như vậy có thể nói, cảnh quan thiên nhiên có một vai trò vô cùng quan trọng đối với sức khỏe con người và là một trong những nhân tố góp phần thúc đẩy sự phát triển của du lịch, đặc biệt là loại hình du lịch sinh thái.

Về tài nguyên sinh vật, rừng không chỉ có ý nghĩa lớn về mặt kinh tế, sinh thái, mà còn có giá trị đối với du lịch, nhất là rừng nguyên sinh hoặc thuần chủng. Tất nhiên không phải mọi tài nguyên động thực vật đều là đối tượng tham du lịch. Để phục vụ các mục đích du lịch khác nhau, người ta đưa ra các chỉ tiêu sau đây:

- Chỉ tiêu phục vụ mục đích tham quan du lịch:

+ Thảm thực vật phong phú, độc đáo và điển hình.

+ Có loài đặc trưng cho khu vực, loài đặc hữu, loài quý hiếm đối với thế giới và trong nước.

+ Có một số động vật (chim, thú, bò sát, côn trùng, cá...) phong phú và điển hình cho vùng.

+ Có những loài có thể khai thác làm đặc sản phục vụ nhu cầu của khách du lịch.

+ Thực động vật có màu sắc hấp dẫn, vui mắt, một số loài phổ biến có thể quan sát bằng mắt thường, ống nhòm hoặc nghe được tiếng hót, tiếng kêu và chụp ảnh.

+Đường giao thông đi lại thuận tiện..

1.2.3.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

*** Quan niệm.**

Tài nguyên du lịch nhân văn là tài nguyên có nguồn gốc nhân tạo do con người sáng tạo ra, Tuy nhiên chỉ những tài nguyên nhân văn có sức hấp dẫn du khách và có thể khai thác sử dụng để phát triển du lịch tạo ra hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường mới được gọi là tài nguyên du lịch nhân văn.

Tài nguyên du lịch nhân văn gồm truyền thống văn hóa , các yếu tố văn hóa, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể khác có thể sử dụng để phục vụ mục đích du lịch.

Tài nguyên du lịch nhân văn nói một cách ngắn gọn, là các đối tượng, hiện tượng do con người tạo ra trong suốt quá trình tồn tại và có giá trị phục vụ cho nhu cầu du lịch.

*** Tài nguyên du lịch nhân văn có các đặc điểm sau:**

- Có tác dụng nhận thức nhiều hơn. Tác dụng giải trí không điển hình hoặc chỉ có ý nghĩa thứ yếu.
- Việc tìm hiểu các đối tượng nhân tạo thường diễn ra trong thời gian ngắn.
- Số người quan tâm tới tài nguyên du lịch nhân văn thường có văn hoá cao hơn, thu nhập và yêu cầu cao hơn.
- Tài nguyên du lịch nhân văn thường tập trung ở các điểm quần cư và thành phố lớn
- Ưu thế của tài nguyên du lịch nhân văn là đại bộ phận không có tính mùa vụ (trừ các lễ hội), không bị phụ thuộc nhiều vào các điều kiện khí hậu và các điều kiện tự nhiên khác.
- Sở thích của những người tìm đến tài nguyên du lịch nhân văn rất phức tạp và rất khác nhau...

*** Các loại tài nguyên du lịch nhân văn**

+ Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể

a. Các di sản văn hoá thế giới và di tích lịch sử – văn hoá.

* Di sản văn hoá thế giới .

- Các tiêu chuẩn của văn hoá thế giới (6 tiêu chuẩn).

+ Là các tác phẩm nghệ thuật độc nhất vô nhị, tác phẩm hàng đầu của tài năng con người.

+ Có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc, nghệ thuật cấu tạo không gian trong một thời kỳ nhất định, một khung cảnh văn hoá nhất định.

- + Chứng cứ xác thực cho một nền văn minh đã bị biến mất.
- + Cung cấp một ví dụ hùng hồn về một thể loại xây dựng hoặc kiến trúc phản ánh một giai đoạn lịch sử có ý nghĩa.
- + Cung cấp một ví dụ hùng hồn về một dạng nhà truyền thống nói lên được một nền văn hoá có nguy cơ bị huỷ hoại trước những biến động không thể cưỡng lại được.
- + Có mối quan hệ trực tiếp với sự kiện, tín ngưỡng đáp ứng được những tiêu chuẩn xác thực về ý tưởng sáng tạo, về vật liệu, về cách tạo lập cũng như về vị trí.

* Các di tích lịch sử tích lịch sử – văn hoá

Di tích lịch sử tích lịch sử – văn hoá là tài sản quý giá của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, đất nước và cả nhân loại. Nó là bằng chứng trung thành, xác thực, cụ thể về đặc điểm văn hoá mỗi nước. Ở đó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ, tài năng, giá trị văn hoá nghệ thuật của mỗi quốc gia. Di tích lịch sử – văn hoá có khả năng rất lớn góp phần vào việc phát triển trí tuệ, tài năng của con người; góp phần vào việc phát triển khoa học nhân văn, khoa học lịch sử. Đó chính là bộ mặt quá khứ của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia. Được gọi chung là di tích lịch sử – văn hoá vì chúng được tạo ra bởi con người (tập thể hoặc cá nhân) trong quá trình hoạt động, sáng tạo. Thứ văn hoá ở đây bao gồm cả văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần.

Ở Việt Nam, theo pháp luật bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử – văn hoá và danh lam thắng cảnh (04/04/1984), di tích lịch sử – văn hoá được quy định như sau: “Di tích lịch sử – văn hoá là những công trình xây dựng, địa điểm, đồ vật, tài liệu và các tác phẩm có giá trị lịch sử, khoa học, nghệ thuật, cũng như các giá trị văn hoá khác, hoặc liên quan đến các sự kiện lịch sử, quá trình phát triển văn hoá – xã hội”.

- Phân loại di tích lịch sử – văn hoá

Di tích lịch sử – văn hoá chứa đựng nhiều nội dung lịch sử khác nhau. Mỗi di tích có nội dung, giá trị văn hoá, lượng thông tin riêng biệt. Cần phải phân biệt các loại di tích để xác định tên gọi đúng với nội dung của nó và khai thác, sử dụng và bảo vệ di

tích một cách có hiệu quả.

Có 4 loại di tích lịch sử – văn hoá:

+ Loại hình di tích văn hóa khảo cổ

+ Loại di tích lịch sử

+Loại văn hóa nghệ thuật

+Các danh lam thắng cảnh

- Để đánh giá ý nghĩa của các di tích lịch sử – văn hoá phục vụ mục đích du lịch, cần chú ý một số chỉ tiêu thể hiện số lượng và chất lượng di tích đó là:

+Mật độ di tích .

+Số lượng di tích .

+Số di tích được xếp hạng.

+ Số di tích đặc biệt quan trọng.

+Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể

a. Di sản văn hóa truyền miệng và phi vật thể của nhân loại

Năm 1989 tại phiên họp Đại hội đồng UNESCO đã đưa ra 2 chính sách :

*Công nhận một danh hiệu cho một sản phẩm văn hóa phi vật thể danh hiệu ấy gọi là kiệt tác di sản văn hóa truyền miệng và phi vật thể của nhân loại.

*Di sản văn hóa phi vật thể luôn được giữ gìn trình diễn bổ sung truyền lại cho lớp trẻ thông qua trí nhớ và tài năng của nghệ nhân.

b. Các lễ hội

Trong các dạng tài nguyên du lịch nhân văn, lễ hội truyền thống là tài nguyên có giá trị rất lớn. Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hoá đặc sắc phản ánh đời sống tâm linh của mỗi dân tộc. Là một hình thức sinh hoạt tập thể của nhân dân sau những ngày lao động vất vả hoặc là một dịp để mọi người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước, hoặc liên quan đến những sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân, hoặc chỉ đơn thuần là những hoạt động có tính chất vui chơi giải trí. Nhìn chung, các lễ hội nổi tiếng có tính hấp dẫn rất lớn đối với du khách.

Như vậy để tìm hiểu văn hoá Việt Nam, văn hoá làng xã cũng như văn hoá lúa nước, người ta có thể tìm hiểu qua lễ hội hoặc trực tiếp tham gia vào lễ hội. Từ đó có thể thấy lễ hội là một dạng tài nguyên du lịch nhân văn độc đáo.

- Khi đánh giá các lễ hội phục vụ mục đích du lịch cần lưu ý đến các đặc điểm

+Thời gian lễ hội.

+Quy mô của lễ hội.

+ Các lễ hội thường được tổ chức tại những di tích lịch sử tích lịch sử văn hoá.

+ Hình thức lễ hội

Khách du lịch thường có nhu cầu tham gia các lễ hội này. Họ thường thấy một sự hoà đồng mãnh liệt, say mê nhập cuộc. Những hội hè như vậy gắn kết vào kết cấu của đời sống khu vực hay quốc gia và chính tại đây tình cảm cộng đồng, sự hiểu biết về dân tộc được bộc lộ mạnh mẽ.

c.Nghề và làng nghề thủ công truyền thống

Khi du khách tới tham quan , nghiên cứu các làng nghề thủ công truyền thống họ không chỉ tìm hiểu, thưởng thức những giá trị nghệ thuật, mua những sản phẩm có

giá trị làm quà cho người thân mà còn là dịp du khách hưởng thụ những giá trị văn hóa tốt đẹp của các làng nghề thủ công truyền thống.

d.Văn hóa nghệ thuật

Những giá trị văn hoá nghệ thuật không những góp phần vào sự đa dạng của sản phẩm du lịch mà còn có sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách bởi vì loại tài nguyên này mang lại cho du khách sự thư giãn, vui vẻ, nâng cao đời sống tinh thần.

e.Văn hóa ẩm thực

Khi đi du lịch khách du lịch không chỉ có nhu cầu đi chơi, mua sắm, chiêm ngưỡng nâng cao nhận thức mà còn mong muốn thưởng thức những món ăn đồ uống là đặc sản của địa phương nâng cao nhận thức giá trị nghệ thuật ẩm thực.

f.Thơ ca và văn học

Do có thiên nhiên hùng vĩ đa dạng, cùng lịch sử dựng nước và giữ nước lâu đời nên nhân dân ta đã sáng tạo, bảo tồn được kho tàng thơ ca dân gian, truyện kể dân gian ca ngợi các vùng đất, con người, danh lam thắng cảnh tạo ra sức hấp dẫn du lịch.

g.Văn hóa ứng xử và những phong tục, tập quán tốt đẹp

Văn hóa ứng xử, phong tục tập quán sinh sống, sản xuất khác lạ tốt đẹp ở địa phương, các quốc gia trở thành tài nguyên du lịch hấp dẫn cũng như góp phần tạo nên môi trường xã hội, môi trường tự nhiên tốt đẹp.

h.Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học.

Mỗi một dân tộc có những điều kiện sinh sống, những đặc điểm văn hoá, phong tục tập quán, hoạt động sản xuất mang những sắc thái riêng của mình và có những địa bàn cư trú nhất định Việt Nam có 54 dân tộc và mỗi dân tộc vẫn giữ được phong tục tập quán của mình.

Nước ta còn có hàng trăm làng nghề thủ công truyền thống với những sản phẩm nổi tiếng, độc đáo thể hiện tư duy triết học, tâm tư tình cảm của con người, đặc biệt là các nghề chạm khắc, đúc đồng, thêu, dệt, sành sứ...

Các món ăn dân tộc độc đáo với nghệ thuật cao về chế biến và nấu nướng. Nhiều kiến trúc có bố cục theo thuyết phong thuỷ của triết học phương Đông, rồi những kiến trúc tôn giáo (nhất là kiến trúc Chăm)... có giá trị, hấp dẫn du khách.

i.Các đối tượng văn hoá – thể thao và hoạt động nhận thức khác.

Những đối tượng văn hoá như các trung tâm khoa học, các trường đại học, các thư viện lớn, bảo tàng... đều có sức hấp dẫn rất lớn du khách tới tham quan và nghiên cứu.

Những hoạt động mang tính sự kiện: các giải thể thao lớn, các cuộc triển lãm thành tựu kinh tế quốc dân, các hội chợ, liên hoan phim ảnh quốc tế, ca nhạc quốc tế... cũng là đối tượng hấp dẫn khách du lịch.

1.4.Mối quan hệ giữa tài nguyên du lịch và du lịch trong sự phát triển

1.4.1 Tác động của tài nguyên du lịch tới du lịch

Du lịch là một ngành có sự định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch là một trong những yếu tố cơ bản, điều kiện tiên quyết để hình thành và phát triển du lịch của một địa phương. Số lượng tài nguyên vốn có, chất lượng của chúng và mức độ kết hợp các loại tài nguyên trên cùng địa bàn có ý nghĩa đặc biệt đối với sự phát triển du lịch. Vì vậy, sức hấp dẫn du lịch của một địa phương phụ thuộc rất nhiều

vào nguồn tài nguyên du lịch. Tài nguyên du lịch có tác động to lớn tới sự phát triển của du lịch đó là:

a. Tài nguyên du lịch quyết định phương hướng phát triển du lịch của các địa phương và quốc gia.

- Khuyến khích kinh doanh: Ngành du lịch là ngành kinh tế tiềm năng vì thế nguồn lợi kinh tế mang lại tương đối lớn vì thế khuyến khích được sự kinh doanh, đầu tư.

- Thu hút đầu tư kinh doanh: các tài nguyên du lịch ở dạng đang được khai thác và tài nguyên du lịch ở dạng tiềm năng sẽ thu hút được sự đầu tư của các tổ chức, các doanh nghiệp kinh doanh phát triển du lịch.

- Thu hút du khách đến tham quan: Tài nguyên du lịch là mục đích chuyến đi của du khách và tạo điều kiện thuận lợi để đáp ứng các nhu cầu trong chuyến đi của du khách. Khách đi du lịch là để thưởng thức, tìm hiểu, cảm nhận các giá trị của tài nguyên du lịch, con người và kinh tế tại các điểm đến.

- Phối hợp hoạt động giữa các ngành: các cấp ngành phối hợp để phát triển và quy hoạch tài nguyên du lịch tạo sự hài hòa, cân đối trong phát triển.

- Đào tạo nguồn nhân lực và tạo việc làm cho người lao động: Việc đưa vào khai thác và sử dụng các tài nguyên du lịch sẽ đòi hỏi đào tạo được nguồn nhân lực phục vụ cũng như tạo công ăn việc làm cho người lao động.

b. Các loại tài nguyên du lịch như thế nào sẽ quyết định việc xây dựng sản phẩm du lịch:

- Các loại hình du lịch: Các loại hình du lịch ra đời đều được dựa trên cơ sở của các tài nguyên du lịch.

- Quy mô dịch vụ du lịch: Tài nguyên du lịch càng phong phú và đa dạng thì quy mô dịch vụ du lịch càng lớn.

- Chất lượng dịch vụ du lịch: Tài nguyên du lịch làm gia tăng chất lượng dịch vụ du lịch.

- Đối tượng tiêu dùng sản phẩm: Sản phẩm du lịch đa dạng là điều kiện để đa dạng loại hình và sản phẩm du lịch đáp ứng nhu cầu của các đối tượng khách.

c. Tài nguyên du lịch còn là điều kiện để quyết định xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế: Khi phát triển tài nguyên du lịch là phải xây dựng cơ sở vật chất để phục vụ cho sự phát triển này. Và chỉ có cơ sở hạ tầng thì tài nguyên du lịch mới có điều kiện phát triển.

- Xây dựng hạ tầng xã hội:

- Xây dựng cơ sở lưu trú: Khách du lịch khi tới các điểm du lịch thì cần được nghỉ ngơi, ăn uống và nhiều nhu cầu khác. Vì thế để phát triển được tài nguyên du lịch thì cần phải xây dựng được các cơ sở lưu trú.

- Xây dựng các loại hình vui chơi giải trí: Tài nguyên du lịch khi được phát triển sẽ luôn đi cùng với việc xây dựng các khu vui chơi giải trí để đa dạng loại hình du lịch. Khách du lịch không chỉ tham quan mà còn tham gia các hoạt động vui chơi giải trí.

1.4.2. Tác động của du lịch tới tài nguyên du lịch

*** Tác động tích cực của du lịch tới tài nguyên du lịch**

a. Du lịch tác động lên tích cực đến tài nguyên du lịch tự nhiên như sau:

- Bảo tồn thiên nhiên: Du lịch góp phần khẳng định giá trị và góp phần vào việc bảo tồn các diện tích tự nhiên quan trọng, phát triển các Khu Bảo tồn và Vườn Quốc gia.

- Tăng cường chất lượng môi trường: Du lịch có thể cung cấp những sáng kiến cho việc làm sạch môi trường thông qua kiểm soát chất lượng không khí, nước, đất, ô nhiễm tiếng ồn, thải rác và các vấn đề môi trường khác thông qua các chương trình quy hoạch cảnh quan, thiết kế xây dựng và duy tu bảo dưỡng các công trình kiến trúc.

- Đề cao môi trường: Việc phát triển các cơ sở du lịch được thiết kế tốt có thể đề cao giá trị các cảnh quan.

- Cải thiện hạ tầng cơ sở: Các cơ sở hạ tầng của địa phương như sân bay, đường sá, hệ thống cấp thoát nước, xử lý chất thải, thông tin liên lạc có thể được cải thiện thông qua hoạt động du lịch.

- Tăng cường hiểu biết về môi trường của cộng đồng địa phương thông qua việc trao đổi và học tập với du khách.

b. Du lịch tác động tích cực đến tài nguyên du lịch nhân văn như sau:

- Du lịch phát triển bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa nghệ thuật, các lễ hội. Phục hồi và phát triển, tôn vinh giá trị của các di tích lịch sử, các cảnh quan kiến trúc bản địa.

- Giáo dục ý thức bảo vệ các di tích, cảnh quan của người dân địa phương thông qua sự say mê khám phá cũng như sự quan tâm của du khách tới các lễ hội, các phong tục tập quán của người dân.

- Nâng cao lòng tự hào dân tộc, lòng yêu nước thông qua các lễ hội, thông qua việc gìn giữ, phát triển các công trình văn hóa, các phong tục đẹp.

- Tạo nguồn tài chính để nâng cao các giá trị tài nguyên du lịch nhân văn.

*** Tác động tiêu cực của du lịch tới tài nguyên du lịch**

a. Du lịch tác động tiêu cực tới tài nguyên du lịch tự nhiên

- Việc khai thác môi trường nước làm ảnh hưởng tới nhu cầu và chất lượng nước: Du lịch là ngành công nghiệp tiêu thụ nước nhiều, thậm chí tiêu hao nguồn nước sinh hoạt hơn cả nhu cầu nước sinh hoạt của địa phương.

- Nước thải: Nếu như không có hệ thống thu gom nước thải cho khách sạn, nhà hàng thì nước thải sẽ ngấm xuống bồn nước ngầm hoặc các thủy vực lân cận (sông, hồ, biển), làm lan truyền nhiều loại dịch bệnh như giun sán, đường ruột, bệnh ngoài da, bệnh mắt hoặc làm ô nhiễm các thủy vực gây hại cho cảnh quan và nuôi trồng thủy sản.

- Rác thải: Vứt rác thải bừa bãi là vấn đề chung của mọi khu du lịch. Đây là nguyên nhân gây mất cảnh quan, mất vệ sinh, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và nảy sinh xung đột xã hội.

- Ô nhiễm không khí: Tuy được coi là ngành "công nghiệp không khói", nhưng du lịch có thể gây ô nhiễm khí thông qua phát xả khí thải động cơ xe máy và tàu thuyền,

đặc biệt là ở các trọng điểm và trục giao thông chính, gây hại cho cây cối, động vật hoang dại và các công trình xây dựng bằng đá vôi và bê tông.

- Năng lượng: Tiêu thụ năng lượng trong khu du lịch thường không hiệu quả và lãng phí.

- Ô nhiễm tiếng ồn: Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông và du khách có thể gây phiền hà cho cư dân địa phương và các du khách khác kể cả động vật hoang dại.

- Ô nhiễm phong cảnh: Ô nhiễm phong cảnh có thể được gây ra do khách sạn nhà hàng có kiến trúc xấu xí thô kệch, vật liệu ốp lát không phù hợp, bố trí các dịch vụ thiếu khoa học, sử dụng quá nhiều phương tiện quảng cáo nhất là các phương tiện xấu xí, dây điện, cột điện tràn lan, bảo dưỡng kém đối với các công trình xây dựng và cảnh quan. Phát triển du lịch hỗn độn, pha tạp, lộn xộn là một trong những hoạt động gây suy thoái môi trường tệ hại nhất.

- Làm nhiễu loạn sinh thái: Việc phát triển hoạt động du lịch thiếu kiểm soát có thể tác động lên đất (xói mòn, trượt lở), làm biến động các nơi cư trú, đe dọa các loài động thực vật hoang dại (tiếng ồn, săn bắt, cung ứng thịt thú rừng, thú nhồi bông, côn trùng...). Xây dựng đường giao thông và khu cắm trại gây cản trở động vật hoang dại di chuyển tìm mồi, kết đôi hoặc sinh sản, phá hoại rạn san hô do khai thác mẫu vật, cá cảnh hoặc neo đậu tàu thuyền...

b. Du lịch tác động tiêu cực tới tài nguyên du lịch nhân văn

- Du lịch bên cạnh những tác động tích cực cũng có những tác động tiêu cực khá lớn tới tài nguyên du lịch nhân văn. Làm suy thoái tài nguyên và làm mất đi những giá trị truyền thống vốn có của nó.

- Du lịch làm ô nhiễm môi trường của một số tài nguyên du lịch nhân văn như các di tích lịch sử, các làng nghề
- Quá nhiều khách tham quan sẽ gây quá tải về xã hội và tâm lý làm mất đi sự yên bình ở các làng quê.
- Đôi khi du lịch tham gia quá sâu vào lễ hội, văn hóa nghệ thuật,... làm cho các hoạt động này bị pha trộn làm mất đi thuần phong mỹ tục đẹp.
- Việc quy hoạch các khu du lịch làm phá vỡ cảnh quan, phá vỡ nhiều công trình có giá trị, xung đột với cảnh quan và văn hóa bản địa.

1.5. Văn hóa

1.5.1 Các khái niệm về văn hóa

Có nhiều định nghĩa khác nhau về văn hóa, mỗi định nghĩa phản ánh một cách nhìn nhận và đánh giá khác nhau. Ngay từ năm 1952, hai nhà nhân loại học Mỹ là Alfred Kroeber và Clyde Kluckhohn đã từng thống kê có tới 164 định nghĩa khác nhau về văn hóa trong các công trình nổi tiếng thế giới và trong mỗi lĩnh vực nghiên cứu đó định nghĩa về văn hóa cũng khác nhau. Các định nghĩa về văn hóa nhiều và cách tiếp cận đến nỗi ngay cả cách phân loại các định nghĩa về văn hóa cũng khác.

* Năm 2002, UNESCO đã đưa ra định nghĩa về văn hóa như sau: Văn hóa nên được đề cập đến như là một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin.

* Theo Trần Ngọc Thêm định nghĩa : “Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị (vật chất và tinh thần, tĩnh và động, vật thể và phi vật thể...) do con người sáng tạo ra và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội của mình”

* Cũng có định nghĩa khác về văn hóa như sau “Văn hóa là bao gồm tất cả những sản phẩm của con người và như vậy văn hóa bao gồm cả hai khía cạnh: khía cạnh phi vật chất của xã hội như ngôn ngữ, tư tưởng, giá trị và các khía cạnh vật chất như nhà cửa, quần áo, các phương tiện, v.v... Cả hai khía cạnh cần thiết để làm ra sản phẩm và đó là một phần của văn hóa.”

Tóm lại, Văn hóa là sản phẩm của loài người, văn hóa được tạo ra và phát triển trong quan hệ qua lại giữa con người và xã hội. Song chính văn hóa lại tham gia vào việc tạo nên con người và duy trì sự bền vững và trật tự xã hội. Văn hóa được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua quá trình xã hội hóa. Văn hóa được tái tạo và phát triển trong quá trình hành động và tương tác xã hội của con người. Văn hóa là trình độ phát triển của con người và của xã hội được biểu hiện trong các kiểu và hình thức tổ chức đời sống và hành động của con người cũng như trong giá trị vật chất và tinh thần mà do con người tạo ra.

1.5.2. Văn hóa và môi trường

Văn hóa làm cho môi trường phát triển bền vững: Trình độ văn hóa càng cao thì dần hình thành nên nếp sống càng văn hóa vì vậy nhận thức của con người cao hơn. Khi tác động vào môi trường sẽ tác động cách có ý thức vừa khai thác, vừa bảo vệ tôn tạo để không ảnh hưởng đến tương lai. Các yếu tố văn hóa tác động vào việc quy hoạch du lịch theo hướng phát triển bền vững.

Văn hóa làm cho cảnh quan thêm xanh- sạch- đẹp: Những lối sống văn hóa, các cách cư xử văn hóa tạo nên ý thức giữ gìn cảnh quan, môi trường làm cảnh quan thêm đẹp. Giáo dục ý thức của người dân bảo vệ môi trường, cảnh quan. Con người dùng các cách tác động khác nhau để tạo nên cảnh quan đẹp, có giá trị thẩm mỹ phù hợp với sự phát triển ngày càng cao của xã hội.

Văn hóa làm cho con người gắn bó với tự nhiên hơn. Con người sống trong quan hệ chặt chẽ với thiên nhiên, tác động tới thiên nhiên và chịu sự tác động của thiên nhiên. Con người tận dụng những cái của tự nhiên có lợi cho mình và những gì có hại thì con người ứng phó và tránh đi. Khi con người có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của tự nhiên trong cuộc sống thì sẽ gắn bó, bảo vệ và gìn giữ với thiên nhiên hơn, cư xử với thiên nhiên một cách có văn hóa hơn.

1.5.3. Văn hóa và kinh tế

Văn hóa có mặt trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống. Nó tác động và ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực đó. Kinh tế cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng này. Kinh tế là một lĩnh vực hoạt động khá sôi nổi. Nói đến kinh tế là nói đến vấn đề lợi ích. Đó có thể là lợi ích chung cũng có thể là lợi ích riêng. Làm du lịch cũng chính là làm kinh tế. Làm kinh tế là tạo ra nguồn lợi, thu nhập từ các nguồn khác nhau. Làm kinh tế trong du lịch tức là việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên, thực hiện việc kinh doanh các dịch vụ du lịch như nhà hàng, khách sạn... để thu lại lợi nhuận cho các doanh nghiệp, các nhà đầu tư. Tuy nhiên ta cũng phải xét một khía cạnh của thu lợi. Nhà đầu tư thu lợi như thế nào thì được cho là làm kinh tế có văn hóa. Ở lĩnh vực du lịch khi đầu tư khai thác các tài nguyên phục vụ du lịch là việc rất được khuyến khích nhưng ngược lại sự khai thác này dẫn đến nguy cơ khai thác quá mức làm cạn kiệt nguồn tài nguyên ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững. Chính vì vậy

yếu tố văn hóa tác động đòi hỏi các nhà đầu tư phải cư xử với các đối tượng được khai thác một cách đúng mực không ảnh hưởng về sau.

Văn hóa và kinh tế trong vấn đề còn thể hiện ở việc làm du lịch như thế nào. Những người làm công tác du lịch cần có thái độ ứng xử như thế nào trong công tác phục vụ ở các điểm du lịch. Lượng khách lớn sẽ thu được lợi nhuận cao nhưng không vì lợi nhuận mà làm ảnh hưởng đến hình ảnh của du lịch, gây ấn tượng xấu với du khách.

Thực tế cho thấy ở rất nhiều khu du lịch hiện nay như Đồ Sơn, Cát Bà..lượng khách trong và ngoài nước rất lớn vì vậy là cơ hội để các nhà kinh doanh dịch vụ, các doanh nghiệp chặt chém. Và nhất là ở các khu du lịch hiện tượng lôi kéo, bắt chẹt khách diễn ra khá phổ biến gây tâm lý không tốt cho khách ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

Tất cả những điều trên đã khẳng định yếu tố văn hóa rất quan trọng trong hoạt động kinh tế. Thiếu đi văn hóa thì làm kinh tế không mang lại hiệu quả cao và lâu dài. Vì vậy trong bất cứ hoạt động kinh doanh nào cũng phải quan tâm đến yếu tố văn hóa.

1.5 Du lịch

1.5.1 Khái niệm Du lịch

Mặc dù hoạt động du lịch đã có nguồn gốc hình thành từ rất lâu và phát triển với tốc độ rất nhanh như vậy song cho đến nay khái niệm du lịch được hiểu rất khác nhau tại các quốc gia khác nhau và từ nhiều góc độ khác nhau.

Bản thân khái niệm du lịch có ý nghĩa đầu tiên là sự khởi hành và lưu trú tạm thời của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của họ. Và có một số định nghĩa khác như sau:

Du lịch là tổng hòa các mối quan hệ, hiện tượng, các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ hay ngoài nước của họ với mục đích hòa bình. Nơi họ đến lưu trú không phải là nơi làm việc của họ.

Định nghĩa của Hội nghị Quốc tế về thống kê du lịch ở Ottawa, Canada tháng 06/1991 “Du lịch là hoạt động của con người đi tới một nơi ngoài môi trường thường xuyên (nơi ở của mình), trong một khoảng thời gian ít hơn khoảng thời gian đã được các tổ chức du lịch quy định trước, mục đích của chuyến đi không phải là để tiến hành các hoạt động kiếm tiền trong phạm vi vùng tới thăm”

Theo Điều 10 Pháp lệnh Du lịch của Việt Nam - “Du lịch là hoạt động của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm thỏa mãn nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng trong khoảng thời gian nhất định “

1.5.2 Một số loại hình du lịch

- Du lịch nghỉ ngơi giải trí. Đây là loại hình du lịch có tác dụng giải trí, làm cuộc sống thêm đa dạng và giải thoát con người ra khỏi công việc hàng ngày

- Du lịch thể thao: Du lịch leo núi, săn bắn, câu cá...

- Du lịch văn hóa: Nhằm nâng cao hiểu biết cho cá nhân về mọi lĩnh vực như lịch sử, kiến trúc, kinh tế, hội họa, chế độ xã hội, cuộc sống của người dân cùng các phong tục tập quán của đất nước du lịch.

- Du lịch công vụ: Nhằm thực hiện nhiệm vụ công tác hoặc nghề nghiệp nào đó khách tham dự các cuộc hội nghị, hội thảo...

- Du lịch nghỉ biển, sông hồ

- Du lịch đồng quê

1.6. Mối quan hệ của du lịch và văn hóa trong sự phát triển

1.6.1. Tác động của văn hóa tới du lịch

Văn hóa ứng xử: văn hóa tác động đến du lịch theo hai hướng: ứng xử có văn hóa để lại ấn tượng cho du khách và hướng thứ hai theo chiều ngược lại, Văn hóa ứng xử kém làm cho du khách thấy không được tôn trọng không được đón tiếp gây ấn tượng xấu cho du khách ảnh hưởng tới du lịch .

Văn hóa tác động tới du lịch đó là văn hóa nhận thức thể hiện sự nhận thức về tầm quan trọng của du lịch, những cái du lịch mang lại cho văn hóa .Nhận thức đúng thì thúc đẩy du lịch phát triển và nhận thức sai dẫn đến những hành động sai, cách làm sai làm giảm hay thậm chí làm du lịch chậm phát triển .

Văn hóa thiên nhiên: ở đây là nơi những gì thuộc về tự nhiên, thiên nhiên là những cái hoang sơ do thiên tạo. Sự hoang sơ thiên tạo là yếu tố thu hút khách.Văn hóa thiên nhiên cũng nên hiểu đó chính là tác động của các yếu tố tự nhiên như nước, khí hậu, không khí ...tới du lịch, luôn luôn là theo hai chiều hướng tích cực và tiêu cực.

Văn hóa được coi là nền tảng để phát triển du lịch. Du khách đi du lịch là để chiêm ngưỡng, trải nghiệm và tìm hiểu các giá trị về văn hóa và tự nhiên của địa phương.

Sự đa dạng, phong phú và đặc sắc của văn hóa tạo nên sự phong phú, đa dạng, hấp dẫn của sản phẩm du lịch thu hút gay càn đông số lượng khách tham quan, du lịch.

Các yếu tố về tự nhiên, nhân văn và văn hóa là ba yếu tố có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển du lịch. Thiếu đi văn hóa thì coi như thiếu đi yếu tố để phát triển du lịch.

Văn hóa là thứ riêng có, là bản sắc, là nhân tố căn bản để hình thành nên đặc trưng của vùng miền, của địa phương, của dân tộc. Chính nét độc đáo này tạo được sự thu hút khách du lịch.

Văn hóa cũng chính là sự giao tiếp, ứng xử khi tiếp xúc giữa người và người. Sự tiếp xúc có văn hóa sẽ níu giữ, lôi cuốn được khách tới các điểm du lịch.

1.6.2. Tác động của du lịch tới văn hóa

a. Tác động tích cực của du lịch tới văn hóa

Du lịch luôn đòi hỏi sự thâm nhập về văn hóa. Điều này có nghĩa là du lịch văn hóa là loại hình du lịch mà các đối tượng du lịch không chỉ có tiền để đi du lịch mà còn có cả sự thâm nhập về văn hóa để có thể hiểu hết những cái đẹp của văn hóa. Văn hóa là những cái không chỉ mắt thường nhìn thấy mà có những giá trị chúng ta không thể nhìn thấy chỉ có thể cảm nhận.

Du lịch luôn biết đánh thức những tiềm năng, những giá trị văn hóa để cho nó phát huy được hết những tiềm năng. Có những tài nguyên mãi chỉ là tài nguyên nếu không có du lịch tác động. Du lịch phát triển, những giá trị của văn hóa sẽ được biết đến, được lý giải và cảm nhận thông qua các hoạt động du lịch.

Du lịch tạo ra sự phát triển và giao lưu văn hóa: Du lịch là phương tiện đưa đến cho khách biết thêm về văn hóa, về âm nhạc nghệ thuật, các món ăn truyền thống và ngôn ngữ của điểm đến du lịch. Du lịch tăng cường sự trao đổi văn hóa giữa du khách, nhân viên khu bảo vệ và nhân viên địa phương .

Du lịch phát triển văn hóa của điểm đến du lịch. Vì khi đi du lịch du khách luôn có xu hướng tìm hiểu văn hóa của nơi mà khách đến du lịch. Vì vậy các điểm du lịch luôn khuyến khích phát triển các hoạt động văn hóa.

Du lịch giúp cho việc giữ gìn bản sắc, duy trì bản sắc văn hóa dân tộc của cư dân địa phương. Như được biết, hiện nay du lịch là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của nước ta. Đây được coi là một ngành công nghiệp không khói và hàng năm thu hút hàng vạn du khách đến với nước ta, thu hút không biết bao nhiêu là ngoại tệ. Là một ngành kinh tế mũi nhọn, song mục đích của phát triển du lịch không chỉ vì lợi nhuận kinh tế, điều quan trọng và căn bản hơn là du lịch cần trực tiếp góp phần nâng cao vị thế, hình ảnh của Việt Nam đối với thế giới cũng như các nước trong khu vực. Qua du lịch, khách muôn phương có dịp hiểu hơn về con người, đất nước, văn hóa Việt Nam. Như vậy du lịch trở thành một sứ giả của hòa bình và hữu nghị... thông qua hoạt động du lịch tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, văn hóa Việt.

b. Tác động tiêu cực của du lịch đến văn hóa

Du lịch có thể làm hủy hoại văn hóa bản địa: Do các tác động của du khách mà văn hóa bản địa có thể bị hủy hoại. Việc đầu tư phát triển không đúng mức, đúng quy định và cách thức có thể dẫn đến sự hủy hoại văn hóa.

Du lịch kích thích người dân đua đòi, bắt chước cách ứng xử của du khách và tìm bỏ những giá trị văn hóa truyền thống, du nhập văn hóa lai căng. Du lịch ảnh hưởng mạnh mẽ trong lối văn hóa, ứng xử của người dân và du khách theo hai chiều hướng là tốt và xấu.

Khi tối đa hóa lợi nhuận trong hoạt động du lịch thì các yếu tố văn hóa sẽ có thể bị lãng quên gây ảnh hưởng đến văn hóa. Các giá trị của văn hóa không còn giá trị

tốt đẹp như cái gốc của nó mà bị pha tạp, thương mại hóa, làm cho văn hóa biến đổi mất hết giá trị.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 “Cơ sở lý luận chung về tài nguyên và văn hóa du lịch “ đã cho thấy :Tài nguyên du lịch là điều kiện cần để phát triển được du lịch.Có tài nguyên mới có cái để khai thác du lịch, phục vụ du lịch.Tài nguyên và du lịch luôn có mối quan hệ hữu cơ với nhau, luôn tác động ngược lại nhau tùy thuộc vào các điều kiện khác nhau thì nó sẽ tác động tiêu cực và tích cực như nào đó.

Nói đến du lịch là nói đến văn hóa.Văn hóa và du lịch song hành phát triển cùng với nhau.Văn hóa là yếu tố kích thích du lịch nhưng du lịch lại đem lại sự phát triển cho văn hóa.Tuy nhiên cũng có sự tác động tiêu cực làm ảnh hưởng văn hóa, suy thoái văn hóa.

Khi nắm được một số lý luận về tài nguyên và văn hóa trong sự phát triển của du lịch là bước đầu có các định hướng cho sự phát triển của du lịch

CHƯƠNG 2 TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

DU LỊCH Ở LƯU VỰC SÔNG GIÁ

2.1. Khái quát chung về huyện Thủy Nguyên

2.1.1 Vị trí địa lý

Thủy Nguyên là một huyện lớn nằm bên dòng sông Bạch Đằng lịch sử. Phía Bắc, Đông Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh; phía Tây Nam giáp huyện An Dương và nội thành Hải Phòng; phía Đông Nam là cửa biển Nam Triệu.

Thủy Nguyên là huyện có thế mạnh về địa lý với tư cách là một huyện ven đô liền kề nội thành Hải Phòng, đây được xem là chiếc cầu nối giữa Hải Phòng với thành phố Hạ Long, cửa khẩu quốc tế Móng Cái và các tỉnh đồng bằng sông Hồng. Với các trục giao thông bộ, thủy quan trọng chạy qua như quốc lộ 10, sông Cửa Cấm, sông Bạch Đằng...

Huyện Thủy Nguyên nằm ở cửa ngõ phía Bắc thành phố Hải Phòng với diện tích tự nhiên: 242 km² và dân số trên 30 vạn người. Huyện có 37 đơn vị hành chính: 35 xã, 2 thị trấn gồm thị trấn Núi Đèo, Thị trấn Minh Đức và các xã: Gia Minh, Gia Đức, Lưu Kiếm, Minh Tân, Liên Khê, Lưu Kỳ, Kênh Giang, Hòa Bình, Thủy Đường, Thiên Hương, Ngũ Lão, Trung Hà, Lâm Động, Hoa Động, Hoàng Động, Tam Hưng, Lập Lễ, Phả Lễ, Phục Lễ, Thủy Triều, Thủy Sơn. An Sơn, Đông Sơn, Quảng Thanh, Mỹ Đồng, Lại Xuân, Phù Ninh, Hợp Thành, Cao Nhân, Kiên Bái, Tân Dương, Dương Quan, Chính Mỹ, An Lư.

2.1.2 Địa hình

Địa hình Thủy Nguyên khá đa dạng, dốc từ phía Tây Bắc xuống Đông Nam, vừa có núi đất, núi đá vôi, vừa có đồng bằng và hệ thống sông hồ dày đặc. Đây chính là những điều kiện tự nhiên thuận lợi để huyện Thủy Nguyên phát triển một nền kinh tế

đa dạng về ngành nghề bao gồm cả nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản và du lịch.

Là huyện có cấu trúc địa hình phức tạp, ở vào vị trí chuyển tiếp của hai vùng tự nhiên: đồng bằng sông Hồng và vùng đồi núi Đông Bắc tạo cho Thủy Nguyên sự đa dạng về cảnh quan. Trong đó, đặc biệt có ý nghĩa là khu vực núi đá vôi kéo dài từ Trại Sơn, Doãn Lại đến khu vực Minh Tân, Minh Đức với diện tích 953 ha. Vùng núi đá sa thạch kéo dài từ An Sơn qua Kỳ Sơn tới Ngũ Lão giáp với Phà Rừng chiếm diện tích gần 1700ha. Ngoài ra còn có vùng đồng bằng màu mỡ Hợp Thành, Lâm Động, Cao Nhân, Lập Lễ. Đồng bằng thích hợp trồng các loại cây ăn quả, cây lương thực,...

2.1.3 Khí hậu

Với những khác biệt về địa hình, về vị trí địa lý cũng như lịch sử hình thành khí hậu của huyện Thủy Nguyên có tính chất riêng và chung so với các vùng khác ở Hải Phòng cũng như các vùng khác ở khu vực. Nhìn chung khí hậu huyện Thủy Nguyên mang tính nhiệt đới. Khí hậu chia làm hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Mùa đông thường lạnh có thể xuống tới 5°C và mùa hè thường nóng có khi nhiệt độ cao tới 38-39°C. Nhiệt độ trung bình vào khoảng 23°C-24°C. Tổng lượng nhiệt đạt khoảng 8500°C. Lượng mưa trung bình vào khoảng 1500mm-1700mm. Độ ẩm trung bình từ 82%- 85%.

2.1.4 Thủy văn

Thủy Nguyên như một hòn đảo nhỏ được bao quanh bởi hệ thống sông. Phía bắc và phía đông là sông Đá Bạc và sông Bạch Đằng. Phía tây là sông Kinh Thầy và Sông Hàn Máu. Phía nam là sông Cấm. Hồ sông Giá với lượng nước dự trữ khoảng 3 triệu km³ kéo dài từ đông sang tây. Các dòng sông chính chảy qua huyện Thủy Nguyên đều là phần hạ lưu cuối cùng của hệ thống sông Thái Bình gồm những

nhánh sông nhỏ như: sông Bạch Đằng(30 km), sông Kinh Thầy (27km), sông Hàn(8km), sông Ruột Lợn (5km), và sông Giá.

2.1.5 Điều kiện lịch sử- xã hội- kinh tế

2.1.5.1. Lịch Sử

Thế kỷ thứ X là thế kỷ bản lề của lịch sử dân tộc được đánh dấu bằng 4 sự kiện lịch sử trọng đại: Năm 905, họ Khúc được sự ủng hộ của dân chúng đã nổi dậy lật đổ chính quyền đô hộ của nhà Đường, xây dựng chính quyền tự chủ, làm cơ sở trực tiếp dẫn đến nền độc lập hoàn toàn. Cuối năm 938 ở cửa sông Bạch Đằng, Ngô Quyền đã làm nên trận chung kết lịch sử toàn thắng của dân tộc Việt Nam ta trong cuộc đọ sức nghìn năm với kẻ thù phương Bắc.

Khi thực dân Pháp xâm lược Bắc Kỳ, trên đất Thủy Nguyên có căn cứ Trại Sơn, cù lao Hai Sông của nghĩa quân Đốc Tít.v.v.... Những năm đầu thế kỷ XX, nhất là từ khi có Đảng cộng sản lãnh đạo, trên đất Thủy Nguyên có nhiều cơ sở cách mạng, trở thành chiếc cầu nối hai trung tâm cách mạng ở hai khu công nghiệp Hải Phòng- Hòn Gai. Năm 1940, Chi bộ Đảng cộng sản thành lập ở Dương Động (Minh Tân). Ngày 16-8-1945, quần chúng cách mạng chiếm Trại Xá - Phủ lỵ Thủy Nguyên giành chính quyền. Thủy Nguyên nằm trong tứ giác nước: Sông Bạch Đằng và Đá Bạch ở phía Bắc, sông Cấm ở phía Nam, sông Kinh Thầy, sông Hàn Mầu ở phía Tây và phía Đông có một phần giáp biển.

Với vị trí và địa thế quan trọng, huyện Thủy Nguyên - cửa ngõ phía bắc của Hải Phòng, đã ghi dấu những chiến công hiển hách, chôn vùi ý đồ xâm lăng của nhiều đạo quân xâm lược. Nơi đây là căn cứ cách mạng của liên tỉnh Hải Phòng - Kiến An, Quảng Yên trong kháng chiến chống thực dân Pháp mà cao điểm là cuộc nổi dậy "tổng phá tề, trừ gian" ngày 25-10-1948; Thủy Nguyên từng là tấm áo giáp bảo vệ thành phố Cảng, phá tan âm mưu của đế quốc Mỹ phong tỏa đường ra biển trên các

cửa sông Bạch Đằng, Nam Triệu, Cửa Cấm, mở thông tuyến đường biển giao lưu với bạn bè quốc tế và chi viện cho chiến trường miền nam. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, mặc dù bị đánh phá ác liệt, quân dân Thủy Nguyên đã hạ 63 máy bay và đóng góp nhiều sức người, sức của cùng quân dân cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Ngày 25-10 ấy đã đi vào lịch sử đấu tranh cách mạng và trở thành ngày truyền thống "Thủy Nguyên quật khởi".

Huyện Thủy Nguyên ngày nay, tên cũ là huyện Thủy Đường. Tên gọi Thủy Nguyên có từ năm 1886 vì kiêng tên húy vua Đồng Khánh (Ứng Đường), nhưng vùng đất này đã hình thành từ rất sớm, vào loại cổ nhất Hải Phòng.

2.1.5.2 Xã hội

Về mặt xã hội, Thủy Nguyên là vùng đất được hình thành lâu đời với nhiều di chỉ khảo cổ đã được phát hiện như: di chỉ Tràng kênh (Minh Đức), Việt Khê (Phù Ninh). Nơi đây còn bảo lưu một kho tàng văn hóa vật thể và phi vật thể đặc sắc; sự đa dạng về tôn giáo, tín ngưỡng với hàng trăm lễ hội văn hóa dân gian đã tạo nên tính thống nhất trong đa dạng văn hóa của mảnh đất này. Theo thống kê, hiện nay trên địa bàn còn lưu giữ được trên 150 di tích văn hóa, lịch sử, cách mạng (trong đó 61 di tích được xếp hạng cấp Quốc gia và Thành phố). Tiêu biểu là cụm di tích tưởng niệm Trưng Nguyên Lê Ích Mộc (xã Quảng Thanh), đình Kiên (xã Kiên Bái), đền Trần Quốc Bảo (thị trấn Minh Đức)... Bên cạnh đó, Thủy Nguyên còn được biết đến bởi các di sản văn hóa phi vật thể độc đáo như: Hát Đúm (xã Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ), hát Ca trù Đông Môn (xã Hòa Bình)...

2.1.5.3 Kinh tế

Trong những năm qua, Đảng bộ và nhân dân huyện Thủy Nguyên luôn gìn giữ, phát huy truyền thống năm xưa, đoàn kết một lòng vượt qua khó khăn thử thách trong công cuộc xây dựng địa phương phát triển toàn diện và vững chắc. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của huyện đạt 16,8%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực: tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng từ 56,9% (năm 2003) lên 67,5%

(năm 2007); nông nghiệp giảm từ 43,1% xuống còn 23,8%. Sản xuất nông, lâm, thủy sản nhiều bước tiến mới. Năng suất lúa bình quân toàn huyện đạt 102 tạ/ha, nhiều cánh đồng đạt giá trị sản xuất hơn 50 triệu đồng/ha, sản lượng lương thực đạt từ 76 - 78 nghìn tấn. Sản lượng nuôi trồng và đánh bắt thủy sản trên 20 nghìn tấn với phương tiện tham gia đánh bắt gần 1.454 chiếc tàu cá.

Lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ của Thủy Nguyên đã có bước phát triển rõ rệt và mạnh mẽ. Đang hình thành và phát triển theo quy hoạch các cụm công nghiệp: Nam cầu Kiền, Đông Sơn - Hòa Bình - Kênh Giang; Gia Minh - Gia Đức, Tràng Kênh - Bến Rừng và một phần khu kinh tế trọng điểm Đình Vũ - Cát Hải... Nhiều dự án trọng điểm về sản xuất công nghiệp đã được đưa vào khai thác sử dụng như Nhà máy xi-măng Hải Phòng, dây chuyền 2 Nhà máy xi-măng Chinfon và việc đầu tư nâng cao năng lực đóng mới các tàu biển lớn cho xuất khẩu ở các Tổng công ty Nam Triệu, Phà Rừng... Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1 và 2 đang được đẩy nhanh tiến độ đưa vào hoạt động, sẽ góp phần cung ứng sản lượng điện lớn. Tổ hợp khu nghỉ dưỡng Sông Giá với tổng vốn đầu tư 580 triệu USD, lớn nhất từ trước tới nay trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ ở Hải Phòng, vừa được khởi công xây dựng trên diện tích 637 ha ở Thủy Nguyên đã và đang chứng tỏ tiềm năng, lợi thế và sức hấp các nhà đầu tư của mảnh đất nơi đây

Hàng hoá tề trong các siêu thị mini, trung tâm thương mại, chợ “đường dài” trên địa bàn Thủy Nguyên phong phú, đa dạng không hề kém trong nội thành. Thậm chí có những loại mặt hàng còn “hoành tráng” hơn, như các gốc đào thế, chậu cảnh lâu niên, dáng khúc khuỷu, tán xoè rộng, những quái thạch, linh thạch khổng lồ... vốn chỉ hợp để trang trí cho các ngôi nhà vườn, các toà nhà gỗ lim được bày đặt theo thuyết phong thủy, hoài cổ... Bởi thế, Thủy Nguyên bỗng trở thành nơi xum vầy của nhiều loại sản vật, đồ gia bảo, hàng hoá của Kinh Môn, Thanh Hà (Hải Dương),

Đông Triều, Yên Hưng, Uông Bí, Hạ Long, Móng Cái (Quảng Ninh), Cát Bà, An Dương (Hải Phòng)

2.2. Sông Giá_ địa văn hóa và lịch sử

Đôi bờ Sông Giá núi đồi nhấp nhô tạo mạch cho dòng nước uốn lượn. Theo đó nếu nhìn từ trên cao sông Giá như một dải lụa trắng mềm mại nằm vắt ngang huyện Thủy Nguyên. Xuôi dòng sông Giá, bên tả là các xã Liên Khê, Lưu Kiếm, Minh Tân và thị trấn Minh Đức. Bên Hữu là các xã Lại Xuân, Kỳ Sơn, Chính Mỹ, Kênh Giang, Hòa Bình, Trung Hà, Tam Hưng, Ngũ Lão. Đây đều là những vùng quê giàu tiềm năng phát triển của huyện Thủy Nguyên.

Sông Giá là một chi lưu của hệ thống sông Bạch Đằng, xưa có tên gọi là Đô Lý Giang, bắt nguồn từ sông Đá Bạch tại khu vực xã Lại Xuân chạy qua các xã thuộc phía Đông Bắc của huyện, rồi đổ vào sông Bạch Đằng tại khu vực Đầm De thuộc thị trấn Minh Đức. Trong năm 1965, do nhu cầu nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, sông Giá được chặn dòng tạo thành hồ chứa nước ngọt lớn nhất của huyện với chiều dài trên 16km từ đập Minh Đức đến đập Phi Liệt, chiều rộng vào khoảng 300m, độ sâu từ 5-6m.

Trong lịch sử đấu tranh xây dựng và bảo vệ tổ quốc, nhờ vào vị thế hiểm yếu của mình, sông Giá góp phần tạo nên những chiến thắng vẻ vang trong lịch sử chống ngoại xâm của quân và dân huyện Thủy Nguyên. Tiêu biểu là trận Trúc Động trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ III của quân và dân nhà Trần. Sử sách còn ghi: trước nguy cơ bị quân và dân Đại Việt diệt trừ, Thoát Hoan cho lui binh theo 2 đường. Đường bộ do Thoát Hoan cầm đầu lui theo đường Lạng Sơn. Đường thủy do Ô mã Nhi cầm đầu phụ trách trốn theo đường sông Bạch Đằng.

Trước tình hình đó, Trần Hưng Đạo đã cho dàn thế trận tại khu vực ngã ba sông Chanh và sông Bạch Đằng. Sau đó ta cho chặn đánh địch tại khu vực sông Giá, buộc

chúng phái sa lầy vào trận thế cọc do quân tan bày bố từ trước. Để tưởng nhớ những chiến công vẻ vang đó, những con người bên dòng sông Giá đã cho xây dựng nhiều lưu tích đền Thụ Khê, chùa Thiêm Khê, chùa Mai Động.... Đó là những tượng đài sừng sững biểu thị cho ý chí và lòng yêu nước của con người Thủy Nguyên nói chung và những người dân bên bờ sông Giá hiền hòa nói riêng.

Một dòng sông màu mỡ cũng đã góp phần tạo nên những miền quê giàu truyền thống văn hóa, địa linh nhân kiệt. Trong lịch sử 845 năm các khoa thi của phong kiến Việt Nam với 118 khoa thi, những miền quê bên dòng sông Giá đã đóng góp 7/17 vị đại khoa của huyện Thủy Nguyên. Trong đó nhiều vị thành danh mà công lao của họ đã được nhiều người biết đến như: Nguyễn Thế Khoa (xã Kỳ Sơn); Dương Tông Hải (xã Ngũ Lão); Lưu Công Ngạn (xã Tam Hưng); Vũ Cảnh (xã Minh Tân)....

Hồ sông Giá khí hậu mát mẻ quanh năm. Mặt nước lúc nào cũng trong xanh một màu. Khi đứng ở sông Giá người ta không cảm nhận được cái nóng của mùa hè. Sông Giá được ví như Hạ Long trên cạn.

Từ lợi thế về một dòng sông lớn với hai bên làng mạc trù phú, trong quá khứ khu vực đôi bờ sông Giá đã trở thành một trong những trung tâm buôn bán sầm uất huyện Thủy Nguyên nói chung và của Hải Phòng nói riêng. Các nhà nghiên cứu đã khẳng định huyện Thủy Nguyên xưa (hay còn gọi là tổng Thủy Đường) nằm trên con đường giao thương giữa kẻ chợ Vân Đồn với các thương nhân vùng Đông Á và Đông Nam Á. Sử sách Trung Quốc có ghi: “Các tổng Yên Khoái, Vạn Ninh huyện Nghiêu Phong(Cát Hải), dòng thuyền đi lại thông với miền Mỹ Giang(sông Giá) tỉnh Hải Dương) và Khâm Châu (tỉnh Quảng Đông Trung Quốc). Theo đó, một hệ thống chợ cận sông một thời buôn bán sầm uất trên bến dưới thuyền đã được hình thành từ rất sớm như: Chợ Giá (xã Kênh Giang), chợ xóm Bến, chợ xóm Lò (Minh

Tân). Chính từ sự sầm uất nhộn nhịp của hệ thống chợ mà từ xưa nhân dân bản địa đã đúc kết thành câu phong dao:

Nhất cao là núi U Bò

Nhất đông chợ Giá, Nhất to sông rùng

2.3 Tài nguyên du lịch nhân văn ở lưu vực sông Giá

2.3.1 Di chỉ khảo cổ học Tràng Kênh

Đây là di tích lịch sử nằm ở thôn Tràng Kênh, thị trấn Minh Đức, huyện Thuỷ Nguyên, thuộc khu di tích và danh thắng đã xếp hạng. Đây là một di chỉ xưởng chế tác đồ trang sức bằng đá lớn nhất Đông bắc Tổ quốc, phản ánh sự tiến bộ kỹ thuật của người Việt cổ ở giai đoạn chuyển tiếp từ hậu kì đá mới sang sơ kì thời đại đồng thau có niên đại cách ngày nay trên 3.400 năm.

Di chỉ Tràng Kênh có diện tích hàng vạn m² được chia thành 2 khu vực: khu A và khu B. Khu A là thung lũng của 3 ngọn núi đá vôi: Hoàng Tôn, Ao Non, áng Rong, trong đó tầng văn hoá tập trung ở phía đông chân núi Hoàng Tôn. Khu B nằm ở phía Đông bắc chân núi Ao Non. Khu vực này có nhà ở của dân cư thôn Tràng Kênh và một con đường giao thông nằm dọc trên di chỉ.

Khai quật tầng văn hoá di chỉ Tràng Kênh, các nhà khảo cổ phát hiện một số lượng lớn hiện vật thuộc nhiều loại hình, chất liệu khác nhau, điển hình là đồ gốm, đồ đá và đồ đồng. Đồ gốm khai quật được ở Tràng Kênh mang đậm nét bản sắc con người Tràng Kênh thời tiền sử. Nét đặc trưng nhất của loại hình di vật này là gốm xốp. Xương gốm pha nhiều cát và vỏ nhuyễn thể, có màu xám trắng, hồng, nhiệt độ nung thấp. Hoa văn trang trí trên gốm rất phong phú, kiểu văn vạch đậm, văn đai đắp nổi là nét riêng của gốm Tràng Kênh. Về loại hình, ngoài kiểu miệng loe phổ biến còn có loại miệng khum, miệng thành dày, đặc biệt loại gốm miệng có mái độc đáo chỉ

tìm thấy ở Tràng Kênh và Bãi Tự (Hà Bắc). Bên cạnh đồ gốm, các di vật bằng đá ở Tràng Kênh là bộ mặt đặc trưng nhất của di chỉ Tràng Kênh. Đây là công xưởng chế tác đồ trang sức bằng đá có quy mô rất lớn với kỹ thuật đạt đến đỉnh cao của văn minh thời tiền sử ở Hải Phòng nói riêng và Việt Nam nói chung.

Với những công cụ sản xuất như rìu tứ giác, đục không vai kích thước nhỏ, mũi khoan, mảnh lưỡi cưa và bàn mài, người cổ Tràng Kênh đã làm ra những sản phẩm trang sức làm đẹp thêm cho cuộc sống như vòng tay, vòng tai, nhẫn, hạt chuỗi... Điều đặc biệt là đồ trang sức ở đây rất đẹp mắt và chau chuốt. Điều đó cho thấy nhu cầu thẩm mỹ, hưởng thụ cái hay, cái đẹp của con người đã được hình thành và phát triển rất sớm.

Đồ đồng được phát hiện không nhiều ở Tràng Kênh, chủ yếu phân bố ở lớp trên cùng. Loại hình đồ đồng có rìu gót vuông, rìu cân, đục vũa, giáo, dao găm. Chủ nhân của những di vật này thuộc nền văn hoá Đông Sơn định cư ở đây sau chủ nhân Tràng Kênh thuộc nền văn hoá Phùng Nguyên.

Kể từ khi được phát hiện và nghiên cứu đến nay, di chỉ khảo cổ học Tràng Kênh luôn được các nhà khảo cổ học trong nước và quốc tế đánh giá là một di sản văn hoá có giá trị về nhiều mặt, một địa điểm tiêu biểu của loại hình di chỉ xưởng thuộc hậu kì đá mới, sơ kì thời đại đồng thau ở Việt Nam. Di chỉ khảo cổ học Tràng Kênh và khu mộ cổ Việt Khê cùng với hệ thống các địa điểm khảo cổ học văn hoá Phùng Nguyên, văn hoá Đông Sơn khác trên địa bàn huyện Thuỷ Nguyên là nguồn sử liệu hết sức quan trọng đối với việc nghiên cứu về thời đại Hùng Vương ở Việt Nam.

2.3.2 Đền thờ Trần Quốc Bảo

Đền thờ Trần Quốc Bảo là công trình tưởng niệm về vị tướng của vương triều Trần (1225-1400) có công trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên

Mông của dân tộc ta ở thế kỷ XIII. Di tích nằm ở phía nam chân núi Hoàng Tôn, thôn Tràng Kênh, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng

Căn cứ vào các nguồn tư liệu như bản ngọc phả, văn bia, sắc phong của đền và chính sử nước ta thì thấy Trần Quốc Bảo là con trai của một vị Hoàng tộc trong vương triều Trần, cháu gọi vua Trần Nhân Tông (1279-1293) bằng ông. Trong trận chiến thắng Bạch Đằng năm 1288, Trần Quốc Bảo đã anh dũng hi sinh, góp phần quan trọng vào thắng lợi vĩ đại của quân và dân nhà Trần. Vì vậy sau khi ông mất, triều đình nhà Trần đã truyền cho nhân dân địa phương vùng Tràng Kênh (nơi ông đóng quân và hy sinh) lập miếu thờ và truy phong làm Thái Tử. Các triều đại phong kiến tiếp theo đều thừa nhận công lao của Trần Quốc Bảo và suy tôn là 'Thượng đẳng phúc thần', phong sắc 'Thành hoàng làng Tràng Kênh'.

Kiến trúc đền thờ Trần Quốc Bảo tiêu biểu cho mô hình của một trung tâm sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng, gồm có hai phần. Phần trong còn gọi là hậu cung (hay nội điện), nơi thờ tự đức thánh Trần Quốc Bảo. Phần ngoài còn gọi là tiền đường (hay đại bái) có kiến trúc độc đáo gồm 2 tầng, 8 mái đao cong, đắp mô tít 'rồng châu, phượng múa', xung quanh đại bái không xây tường, làm cửa nhà mà để ngỏ 4 mặt, tạo ra sự thông thoáng, mát mẻ. Chính giữa là 'Trung đình', nơi đặt hương án, đồ thờ. Hai bên tả hữu của đại bái là nơi hội họp của các quan viên làng xã xưa kia.

Đền Trần Quốc Bảo đã phải trải qua rất nhiều lần tu sửa do đổ nát, xuống cấp, vết tích vật chất thể hiện ở kiến trúc, đồ thờ...có niên đại sớm ở thời kỳ Trần Lê hầu như không còn. Lần tu sửa mới đây (1994) chỉ giữ lại được các cột vì xà trong hậu cung mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn (thế kỷ XIX). Nhưng nét độc đáo của quần thể kiến trúc chữ 'nhị' rất tiêu biểu thường thấy ở các di tích thuộc huyện Thủy Nguyên (như miếu Thủy Tú, đình Trung, đình Thượng ở Thủy Đường, đền Đông Môn ở Hoà Bình) Toà đại bái thường có một khoảng cách với toà hậu cung, không

có toà 'ông muông', nhưng mô típ kiến trúc toà đại bái với kiểu 2 tầng, 8 mái thì chỉ thấy có ở đền Trần Quốc Bảo Tràng Kênh mà thôi.

Tràng Kênh đã đi vào lịch sử dân tộc như một địa bàn quan trọng của chiến thắng Bạch Đằng vĩ đại. Đền thờ Trần Quốc Bảo vị danh tướng của vương triều Trần đứng sừng sững trông ra cửa sông Bạch Đằng Nam Triệu như một tượng đài kỷ niệm, nhắc nhở chúng ta về những chiến công oanh liệt chống giặc ngoại xâm.

2.3.3 Cụm di tích lịch sử Liên Khê

Liên Khê là một xã ở phía đông bắc huyện Thủy Nguyên ngày nay. Nơi đây là một danh thắng, một khu di tích lịch sử trong phòng tuyến Trúc Động Tràng Kênh - Bạch Đằng của quân đội nhà Trần hồi thế kỷ XIII. Cách Hải Phòng chưa đầy 30 km, giao thông thuận tiện, Liên Khê là một trong những nơi thu hút du khách tới thăm quan.

Nơi đây còn lưu truyền nhiều câu chuyện, huyền tích lịch sử đầy thú vị cách đây hơn 700 năm, kể từ khi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn lấy Trúc Động (tên cũ của Liên Khê) làm căn cứ để tiến ra cửa sông Bạch Đằng, sông Chanh tiêu diệt và bắt sống đạo thủy binh của đế quốc Nguyên Mông, viết lên một trang sử hào hùng của dân tộc.

Liên Khê xưa kia thuộc tổng Trúc Động, huyện Thủy Đường phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương. Liên Khê là vùng đất phù sa có lịch sử lâu đời, nằm trên mạch núi già của vòng cung Đông Triều. Con người đến sinh cơ lập nghiệp tại mảnh đất này từ rất sớm. Những hiện vật khảo cổ học tìm thấy dưới lòng đất Liên Khê gồm đồ gốm và đồ đá mách bảo về một nền văn minh cách đây trên 2000 năm. Thư tịch cổ cho thấy vào những năm tháng đầu công nguyên, nhân dân Liên Khê dưới sự lãnh đạo của ba anh em họ Trương, người trang Thiểm Khê đã kéo về Mê Linh (Vĩnh Phúc) theo Hai Bà Trưng đánh đuổi quân Đông Hán.

Ba mặt của Liên Khê được bao bọc bởi sông Đá Bạc, sông Giá (tên cổ là Đô Lý), phía đông bắc có tám dãy núi đá cao nằm sát sông Đá Bạc, tạo thành tám bình phong thiên nhiên kỳ vĩ. Mười quả núi đất liền nhau chạy dọc theo chiều dài của xã là chỗ dựa cho các ngôi nhà và vườn đồi bậc thang qui tụ thành những xóm thôn trù mật. Lịch sử đã đi qua mảnh đất này và để lại những nét son oanh liệt.

Không những đẹp về cảnh, có lịch sử lâu đời, Liên Khê còn có vị trí chiến lược quan trọng. Các triều đại nhà Trần, nhà Mạc, nhà Nguyễn và thời thuộc Pháp đều nhận thấy điều đó và đặt đồn lũy ở đây. Lịch sử kể rằng, trước nguy cơ bị quân dân Đại Việt tiêu diệt, Thoát Hoan viên tướng cầm đầu đạo quân viễn chinh Nguyên Mông phải tìm cách rút quân về nước. Quân Nguyên Mông chia làm hai đạo rút binh, cánh quân bộ do Thoát Hoan trực tiếp chỉ huy chạy theo đường Lạng Sơn, cánh quân thủy do Ô Mã Nhi cầm đầu tháo lui theo đường cửa sông Bạch Đằng. Do vị trí hiểm yếu nên Liên Khê được chọn là trận địa chốt giữ, đánh chặn không cho thuyền giặc lọt vào sông Giá. Tương truyền trận đánh này trực tiếp do Trần Quốc Tuấn chỉ huy. Ngày mùng 7 tháng 3 âm lịch (tức ngày 8-4-1288), đoàn chiến thuyền của Ô Mã Nhi sau nhiều ngày đánh nhau liên tục với phục binh ta trên nhiều tuyến đường, mệt mỏi rẽ vào sông Giá để ra sông Bạch Đằng liền bị quân ta chặn đánh kịch liệt, buộc phải quay thuyền tháo lui theo đường sông Đá Bạc.

Để ghi lại chiến thắng Trúc Động (tên cũ của Liên Khê) và nhớ ơn vị anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo, người trực tiếp chỉ huy trận Trúc Động - Bạch Đằng, nhân dân địa phương đã xây một ngôi đền thờ ông trên nền đại bản doanh xưa. Đó là đền Thụ Khê (còn gọi là Từ Thụ). Cạnh đền thờ Trần Quốc Tuấn có ngọn núi Từ Thụ cao vút là nơi quốc công truyền lại cho dân làng thanh gươm báu và kế sách chống giặc.

*** Đền Thụ Khê**

Đền Thụ Khê trước đây là một công trình lớn, kiến trúc theo kiểu 'Nội công, ngoại quốc', gồm toà bái đường, cung chữ 'đình' và hai dãy dải vũ. Thời gian và chiến tranh đã làm cho ngôi đền không còn nguyên vẹn như xưa, nhưng hiện tại đền Thụ Khê vẫn còn những hiện vật quý như: cỗ ngai và bài vị thờ đức thánh Trần Hưng Đạo trong tư thế thiết triều; ngai thờ, bài vị cùng duệ hiệu tướng quân Phạm Ngũ Lão (con rể đức thánh Trần Hưng Đạo) và một số hiện vật khác còn lại trong di tích mang niên đại nghệ thuật Nguyễn đầu thế kỷ XX.

***Chùa Mai Động**

Đền cụm di tích Liên Khê, người ta không thể bỏ qua ngôi chùa Mai Động - một công trình lưu niệm về chiến thắng Bạch Đằng (1288) chống đế quốc Nguyên Mông của dân tộc. Tương truyền, chùa Mai Động được xây dựng trên mảnh đất đã từng là kho quân lương tiền phương của quân đội nhà Trần.

Chùa Mai Động tên chữ là Lễ Sơn Tự - một công trình kiến trúc có qui mô vừa phải và vẫn giữ được dáng dấp của nghệ thuật dân tộc cổ truyền. Chùa nằm trên sườn của dãy núi yên ngựa thấp. Khuôn viên chùa dốc theo độ thoải của sườn đồi khoảng 15 độ. Chùa quay hướng nam, trước chùa còn bảo lưu được 4 ngôi tháp mộ trong số hơn hai chục tháp sư của chùa.

Kiến trúc chùa có bố cục hình chữ 'đình' quen thuộc gồm 3 gian tiền đường và 3 gian hậu cung. Trong chùa có nhiều di vật quý hiếm: Đó là hệ thống tượng tháp; toà tam bảo được bày trọn trong toà hậu cung trên hệ thống bệ thờ xây bằng gạch chắc khoẻ, cân đối. Chùa Mai Động còn lưu giữ một số bia đá, Thạch thiên đài, những thư tịch cổ văn của thế kỷ XVII, XVIII. Thạch thiên đài trụ dựng ở sân chùa là một cột đá hình chữ nhật vuông (cao 1,65m, rộng 22cm). Đỉnh cột tạo dáng búp sen tròn trên một đầu vuông thắt đáy (cạnh trên 38cm, cạnh dưới 30cm và chiều cao 16cm). Mặt

trên đầu sen trang trí hình cánh sen đẹp, mỗi cạnh ba cánh. Trụ đá, hai đầu tạo đầu vuông. Đầu phía trên, mặt trước, mặt sau chạm nổi rồng và phượng đối nhau, hai bên mặt chạm cánh sen cách điệu. Đầu vuông chân cột mặt trước chạm nổi hình thú vờn chân, mặt sau chạm 3 con cá chụm đầu vào nhau tạo thành bông hoa ba cánh và hai mặt bên chạm bông sen mãn khai. Diềm cột trụ chạy hàng hoa dây cúc, rồng, phượng. Thân trụ khắc chìm chữ Hán trong ô tạo dáng cánh sen chữ 'nhật'.

Với kiến trúc trên, có thể thấy chùa Mai Động là một thực thể không thể thiếu được của cụm di tích lịch sử văn hoá xã Liên Khê.

Cụm di tích Liên Khê (Trúc Động xưa) là niềm tự hào của huyện Thủy Nguyên, của thành phố Cảng Hải Phòng và đã được Bộ Văn hoá thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hóa.

***Chùa Thiêm Khê**

Thiêm Khê là một làng nằm ven sông Giá (tên cổ gọi là Đô Lý giang) huyện Thủy Nguyên, nơi đã từng xảy ra trận Trúc Động lẫy lừng, chặn đánh đoàn thủy quân của giặc Mông- Nguyên. Thiêm Khê còn có một ngôi chùa cổ được xem như đài tưởng niệm về chiến thắng Trúc Động. Đó là chùa Hoa Linh, còn gọi là chùa Thiêm Khê.

Chùa Hoa Linh dựng trên sườn cao của một thung lũng, lưng dựa vào núi thiêm, bên phải có núi Chùa Hang, bên trái là núi Mẫu Ba. Dưới con mắt phong thủy, chùa Hoa Linh tọa lạc trên khu đất mang thế ỷ ngại, hai bên có tay long tay hổ. Thật là chốn địa linh hiếm thấy. Phía trước chùa, các dãy núi mở ra để cửa Tam Bảo có điều kiện hướng về Tây Phương cực lạc của giáo chủ A-di-đà, xa xa là dòng sông Giá trong xanh, lững lờ và đôi bờ dạt dào sóng lúa. Vườn chùa xanh thắm một màu của “rừng” vải xum xuê in nền hoa gấm trên dãy núi đồi phe-ra-lít đỏ au và đẹp đến đột ngột khi gặp “nắng quái chiều hôm”. Tương truyền, thung lũng chùa Thiêm này, ở thời điểm chuẩn bị cho trận “quyết chiến chiến lược” trên sông Bạch Đằng năm

1288, được Trần Quốc Tuấn chọn làm nơi đóng quân, luyện tập binh sĩ, yết bảng tuyển chọn nhân tài phục vụ chiến dịch.

Chùa Hoa Linh nguy nga, tráng lệ thuở nào đâu còn nữa, ngoài những cấp nền bậc núi hình bậc thang, gieo vào lòng người nỗi luyến tiếc khôn nguôi về một cổ tự nằm sâu trong miền “sơn cước”. Chùa đã từng là nơi nuôi dưỡng những câu hò giao duyên của bao thế hệ “trai thanh nữ tú” Thiểm Khê, trong các buổi hội chùa, những đêm trăng rằm. Hò giao duyên Thiểm Khê rất cần được sưu tầm, phổ biến và đó cũng là một trong những viên ngọc văn hoá quý giá của người Thủy Nguyên.

Về kiến trúc, chùa đã bị giặc phá hoại hồi kháng chiến chống Pháp, nên hầu hết những công trình hiện còn tuổi đời còn rất non trẻ. Những công trình kiến trúc, mặc dù còn vắng bóng những nét đẹp của nghệ thuật truyền thống này, nhưng nơi đây còn bảo lưu nhiều pho tượng quý, có giá trị nghệ thuật cao, được xếp vào loại tượng gỗ cổ nhất còn lại ở nước ta, đó là: bộ Tam Thế, bộ Di Đà Tam Tôn, Quan âm Chuẩn Đề... Niên đại của tượng được xếp vào nửa đầu thế kỷ 17, cùng phong cách và niên đại với pho tượng cùng loại ở chùa Thầy, do Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan cúng tiến. Pho tượng này đã góp phần san lấp khoảng trống cho nghệ thuật điêu khắc thế kỷ 17 ở Hải Phòng và của dân tộc.

Thông qua kỹ thuật tạo tượng, chúng ta có thể tin, tượng có niên đại cuối thế kỷ thứ 16, cùng thời với niên đại nhà Mạc xây dựng thành quách (Thành Dền) của mình ở Liên Khê - Trúc Động, Chùa Thiểm Khê, một di sản của nghệ thuật Mạc.

2.3.4 Chùa Mỹ Cự

Chùa Mỹ Cự nằm trên địa bàn của xã Chính Mỹ. Xã Chính Mỹ nơi có sông Giá chảy qua. Đây là ngôi chùa cổ có nhiều giá trị và được nhà nước quan tâm phục vụ cho sinh hoạt tâm linh của người dân trong vùng cũng như ở các nơi khác.

Chùa Mỹ Cự tên chữ là Linh Sơn tự thuộc thôn Mỹ Cự, Đây được coi là một trong những ngôi chùa lâu đời nhất của huyện Thủy Nguyên, cũng như của thành phố Hải Phòng. Tương truyền song thân vua Lê Đại Hành đã đến chùa cầu tự sau đó sinh ra vua, tức là vào khoảng thế kỷ thứ X chùa đã được xây dựng.

Văn tự cổ nhất còn lại ở chùa là cây Thạch trụ dài niên hiệu Chính Hòa (1680 – 1705) đời vua Lê Hy Tông, ghi lại việc trùng tu, xây dựng chùa. Đến đời Lê Trung Hưng vào năm Vĩnh Thịnh thứ 13 Đinh Dậu (1717) vua Lê Dụ Tông, vị hòa thượng Thích Tế Côn tư Tuệ huân thiền sư trụ trì chùa đứng lên hưng công, phát tích công đức, tu tạo chùa với quy mô lớn. Chùa được xây dựng lại với 12 gian to rộng, nhà tổ, nhà tăng... Tạc được 19 pho tượng , các đồ tế khí được sơn son thiếp vàng. Hiện nay chùa còn giữ một bia đá ghi lại sự kiện này. Ban đầu chùa Mỹ Cự theo Thiên phái Trúc lâm (đời Trần) đến đời Lê Trung Hưng theo Thiên phái Tế trúc dòng tổ. Năm Minh Mạng thứ 9 (1838) ngài Vô cầu luật sư kiêm Thiền sư họ Phạm trụ trì chùa. Chùa lại được tu bổ, tôn tạo thêm nhiều tượng mới, đồ tế mới. Năm Nhâm Ngọ (1942) chùa lại được tu sửa, nhưng lần này đã làm mất đi màu sắc cũ của chùa. Ngôi chùa hiện nay được làm mới vào năm 1979 trên nền đất cũ và cơ bản vẫn còn dựa vào nét kiến trúc chính của lần trùng tu năm Nhâm Ngọ (1942). Chùa nằm tựa lưng vào một núi đất nhỏ chạy dài có tên là “ Núi con rồng ”. Địa điểm xây dựng chùa là một đầu của dãy núi đó có tên “đầu phượng”, dân gian có câu ca “ linh sơn núi phượng”. Chùa quay hướng nam trong một địa thế rất đẹp hai bên có “ Hồ phục Quy châu ”, Tổng thể chùa được thiết kế theo ba tầng cao dần từ chân núi lên.

Hàng năm nhà chùa mở hội vào ngày mồng 6 tháng giêng âm lịch, đây là hội làng có truyền thống từ rất lâu đời trải qua nhiều thế hệ được duy trì liên tục kể cả trong điều kiện chiến tranh, thu hút đông đảo nhân dân trong vùng tham gia.

2.3.5 Hang vua

Hang Vua nằm trên địa bàn của xã Minh Tân huyện Thủy Nguyên thuộc lưu vực sông Giá. Là một di tích lịch sử có giá trị về lịch sử và du lịch. Bộ Lễ thời Hậu Lê đã thống kê, trong danh sách thờ bách thần có tới 1021 đình, đền; 944 làng xã thờ Hùng Vương, thân nhân và tướng lĩnh của các vua Hùng. Hang Vua là một động thiên tạo kỳ vĩ ở núi Vệ. Cửa hang quay hướng nam, thoáng mát về mùa hè, ẩm áp vào mùa đông. Trong lòng hang có nhiều ngách toả ra các hướng: nhánh thông lên đỉnh núi; nhánh xuyên sang hang Xộp (còn gọi là hang Thành uỷ); nhánh ăn sâu vào lòng đất... Núi Vệ là một trong những ngọn kỳ vĩ nhất của vùng đất thiêng Tràng Kênh - Dưỡng Động - Bạch Đằng.

Nơi đây có một truyền thuyết rất ý nghĩa lưu truyền rằng, vào thời Hùng Vương dựng nước, vùng Tràng Kênh - Dưỡng Động - Bạch Đằng là cửa ngõ của nước Văn Lang, quân Thục nhiều lần nhòm ngó muốn xâm chiếm. Khi đất nước thanh bình, có một bộ chủ của Duệ Vương là Phục Công, người Châu Ái (Thanh Hoá nay) đi chu du thiên hạ bằng thuyền, đến động Dăng, thấy đất đai tươi tốt, phong cảnh hữu tình, bèn ở lại vui thú non tiên.

Cũng tại hang Vua, cách đây 70 năm, ngày 4-2-1940, dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự Đảng liên tỉnh uỷ B, Chi bộ Đảng Cộng sản Dưỡng Động được thành lập, gồm 3 đảng viên: Nguyễn Phú Thập, Hồ Xuân Vang, Nguyễn Phú Toán; đồng chí Nguyễn Phú Thập được phân công làm Bí thư chi bộ. Linh tích hang Vua còn được Bộ Tư lệnh quân chủng Hải quân do tướng Tạ Xuân Thu, Nguyễn Bá Phát chọn làm nơi đặt sở chỉ huy trong suốt những năm tháng chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965-1973). Thời gian này, hang Vua là địa điểm tổ chức đón Tổng bí thư Lê Duẩn về thăm cán bộ, chiến sĩ quân chủng Hải quân nhân dân Việt Nam cùng cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Minh Tân...

Cùng với việc khôi phục lễ hội hang Vua, bên cạnh việc nghiên cứu phục hồi nghi thức quốc lễ, rước kiệu thành hoàng về dự giỗ tổ, các trò chơi dân gian (cờ người, chọi gà...), thi làm bánh giầy, hát đúm, ca trù, chèo, các món ăn dân gian..., xã Minh Tân đang tích cực trình các cấp có thẩm quyền cho phép lập quy hoạch và lập dự án đầu tư tôn tạo khu di tích - danh thắng này thành điểm tham quan du lịch sinh thái nhân văn và du lịch về nguồn hấp dẫn của thành phố và đất nước.

2.3.6 Các lễ hội

Khách du lịch đến với Thủy Nguyên không chỉ vì biết đến những di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh đẹp như đình Kiên Bái, đền Lê Ích Mộc, chùa Hoàng Pha, Hang Vua..Khách du lịch đến với Thủy Nguyên còn được đắm mình trong không khí lễ hội sôi động với nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật diễn ra trong các ngày lễ hội.

Một hoạt động văn nghệ, lễ hội đáng chú ý và được khách du lịch đó là hoạt động chơi đu. Hằng năm vào dịp tết rất nhiều địa phương trên địa bàn huyện trên lưu vực sông Giá đã tổ chức vui xuân bằng cách trồng đu. Tiêu biểu như ở các xã: Lưu Kiếm, Thủy Đường, Hòa Bình, Liên Khê...

Nguồn gốc của đu xuân có từ bao giờ không có sử sách nào nhắc đến nhưng các vị cao niên cho biết thì hội đu xuân đã được hình thành ở Thủy Nguyên từ rất lâu đời. Đây là một trong những trò chơi không thể thiếu trong mỗi dịp tết đến, xuân về, cũng là trò chơi rất hấp dẫn với mọi lứa tuổi, chơi vui mà lại là điểm gặp gỡ giao lưu của rất nhiều đôi trai gái.

Trước ngày hội xuân khoảng ngày 28 đến 30 tháng Chạp âm lịch trên các bãi đất khô ráo ở các địa phương đều tiến hành trồng đu. Các cây tre to và dài được chọn để trồng đu. Một gốc đu được trồng bởi 4,5 cây tre to. Cành đu cũng là những cây tre dài nhưng thon nhỏ, thường là tre đực để lúc người đu nắm vào cho gọn và chắc tránh xảy ra trượt hay tuột tay lúc đu mạnh, nhanh.

Chơi đu cũng giống như một cuộc đua tài đòi hỏi ở bạn sự nhanh nhẹn , tháo vát, dẻo dai và cả sự dũng cảm .Khi một người lên cần đu có thể nhờ một người khác đẩy cho mình có đà.Sau đó là tùy người đu nhún tùy ý .Muốn đu được cao , đu đẹp , đu lâu phải có sức khỏe dồi dào và luyện tập công phu .Bắt đu cũng cần biết cách và có sức khỏe , nếu không đu vắng sẽ bị ngã ,người nào mà bắt được đu thì không ai tranh nữa .Đó là quy định chung của hội ,khi đu lúc muốn xuống phải báo hiệu cho mọi người biết bằng cách khép tay đu lại vòng qua ngực .

Tùy theo sở thích của bạn có thể chọn đu một người, hoặc đu đôi nam nữ, một trai một gái.Nhưng đẹp nhất vẫn là đu đôi ,các đôi trai gái ưng ý lựa chọn nhau lên đu, người nhún người đẩy .Tài năng và lòng dũng cảm của các chàng trai cô gái được phô bày ở đây như dịp tự thể hiện bản thân .Nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương đã miêu tả trò chơi đu rằng :

Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới

Đôi hàng chân ngọc duỗi song song

Không khí ngày tết xung quanh gốc đu hết sức đông vui, người dân nơi đây thường có tục chơi đu, tết mà không có đu thì không phải là tết .Các thanh niên trai tráng trở tài, các cụ già cũng góp vui vài kiểu nhún lão luyện và đẹp mắt , mọi người xung quanh quây quần bên dưới chiêm ngưỡng và reo hò khi có những đường đu đẹp mắt .Bên cạnh đó là những trò tập thể như đá bóng hay chơi cờ người .

Chơi đu xuân là một trò chơi thể thao dân tộc có từ lâu đời được tuổi trẻ rất thích , là dịp trai gái gặp gỡ nhau thi tài tìm hiểu và cũng là một nét văn hóa đậm sắc dân gian của người dân nơi đây .

2.3.7 Làng nghề truyền thống

Một trong những tài sản quý báu của huyện là các làng nghề truyền thống. Căn cứ vào kết quả khảo sát trong toàn thành phố, Hải Phòng hiện có 12 làng nghề được công nhận đủ tiêu chuẩn để tập trung đầu tư phục vụ phát triển du lịch. Trong số đó huyện Thủy Nguyên đứng đầu thành phố kể cả về số lượng và đặc thù nghề. Các làng nghề của huyện đều có quy mô cấp toàn xã gồm: nghề đúc Mỹ Đông, trồng cau Cao Nhân, mây tre đan Chính Mỹ, vận tải An Lư và khai thác đánh bắt thủy sản Lập Lễ, làng nghề đá mỹ nghệ Minh Tân. như vậy ở lưu vực sông Giá đã có 2 làng nghề trong tổng số các làng nghề của Thủy Nguyên.. Mỗi một làng nghề đều chứa đựng những nét văn hóa riêng mang tính đa dạng, phong phú và đặc sắc. Trong xu thế hội nhập, du khảo văn hóa qua các làng nghề hiện nay cũng là một khuynh hướng được nhiều du khách quan tâm. Do vậy các làng nghề truyền thống đang là tiềm năng du lịch quan trọng có khả năng đóng góp những sản phẩm hữu ích trong việc phát triển du lịch ở Thủy Nguyên.

2.3.8 Công trình kiến trúc mới

Ngày 17/12/2010 Công ty Hyundai Amco đã chính thức khai trương khu tổ hợp resort Sông Giá giai đoạn 1 tại huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Khu resort Sông Giá nằm ở nơi gặp gỡ của hai con sông hiền hòa: sông Móc và sông Giá. Nhiều hạng mục thiên nhiên được giữ nguyên, chỉ cải tạo cho sạch hơn, đẹp hơn. Giờ đây, lòng hồ được dọn quang, nước trong leo lẻo. Giữa hồ vẫn còn bụi lác để tạo cảnh quan. Nhà thiết kế khéo léo điểm xuyết trên mặt hồ một vài cây hoa súng lá xanh, hoa tím dịu dàng, e ấp. Nhiều rãnh nước vốn là các kênh, mương trước đây được giữ lại, điều chỉnh dòng lượn theo các hồ gôn. Ven bờ hồ có cả các bụi chuối, đám lục bình, bèo tây... Các hồ nước được cải tạo với các đài phun nước dọc

theo lòng hồ. Một bức tranh được tạo nên bởi hàng trăm loại cây cỏ nhiệt đới với các công trình kiến trúc sang trọng, hiện đại theo phong cách Địa Trung Hải.

Ở đây, mỗi hồ gôn được đặt bằng những cái tên lãng mạn và hào hùng: hồ số 9- dạ tiệc giữa sa mạc cát trắng; hồ số 15- bản hợp xướng giữa rừng lau, nước và gió; hồ số 10- nụ cười chiến thắng; hồ số 8- cảm nhận bước đi của thời gian... Đây là nơi dành cho những người ham thích môn thể thao quý tộc đến từ khắp các châu lục trên thế giới.

Dự án tổ hợp khu resort Sông Giá gồm nhiều giai đoạn, do công ty xây dựng Hyundai Amco thuộc Tập đoàn Hyundai Motors của Hàn Quốc làm chủ đầu tư. Sau hơn ba năm xây dựng, vượt qua nhiều khó khăn, giai đoạn 1 gồm sân gôn 27 hố, khu tập và trường dạy chơi gôn, khách sạn tiêu chuẩn 5 sao với 60 phòng nghỉ hạng sang vừa hoàn thành.

Trong khách sạn có các nhà hàng, quầy bar, nhà câu lạc bộ, phòng hội nghị, bể bơi ngoài trời, sân tennis, phòng thể thao đa chức năng, spa... Sông Giá resort được xây dựng như một khu nghỉ dưỡng nằm trong một đô thị tiêu chuẩn quốc tế, một công trình văn hoá xứng đáng với nền văn minh rực rỡ của nhân loại với đầy đủ tiện ích: trường học quốc tế, bệnh viện, khách sạn, công viên, khu thương mại, biệt thự, sân golf. Với ý tưởng kết hợp giữa xu hướng truyền thống và hiện đại cùng hoà quyện với vẻ đẹp tự nhiên của dòng Sông Giá trong xanh hiền hoà. Không chỉ là nơi để nghỉ dưỡng thông thường, Sông Giá Resort Complex còn là nơi tổ chức hội nghị mang đẳng cấp quốc tế, nơi sẽ diễn ra các cuộc đối thoại của doanh nhân, tổ chức thương mại và các giải golf quốc tế.

Sông Giá resort có Theme Park là công viên giải trí quy mô lớn nơi bạn có thể vui chơi, tận hưởng những cảm giác chân thật và không gian văn hóa đa dạng thịnh hành trên thế giới và Wedding Park là công viên dành cho các dịch vụ đám cưới theo

phong cách Việt Nam sẵn sàng mang đến cho những đôi vợ chồng trẻ một cảm nhận khác biệt.

Với sân golf 27 hố (18 hố chuẩn có thể tổ chức các cuộc thi đấu quốc tế và sân tập 9 hố) được kết hợp giữa thiết kế hiện đại và môi trường thiên nhiên tuyệt đẹp của Sông Giá, nơi đây sẽ mang lại cho bạn sự thoải mái, thư giãn và cảm nhận giá trị của cuộc sống.

2.4 Thực trạng hoạt động du lịch trong thời gian qua

2.4.1 Hoạt động lễ hội các di tích đền, chùa, hang động...

Lưu vực sông Giá là nơi tập trung nhiều các di tích, hang động... và tương ứng cũng có nhiều lễ hội được tổ chức hàng năm nhưng chủ yếu tập trung vào tháng giêng, tháng hai âm lịch. Hoạt động du lịch diễn ra ở các di tích, hang động còn tương đối ít và kém. Lượng khách nội địa đến với các đình chùa, đền, miếu ..tập trung vào các ngày lễ hội nhất là các ngày đầu xuân. Khách quốc tế thì lượng khách tương đối thấp. Một số danh lam như sông Bạch Đằng, Hang Vua.. hàng năm thu hút khoảng 5 đến 10 đoàn khách.

2.4.2 Hoạt động của các làng nghề

Một số công ty lữ hành khai thác một số tuyến du lịch văn hóa và khảo cứu nông thôn như công ty cổ phần du lịch và thương mại Hải Phòng, công ty OSC travel.. Các công ty này thực hiện việc đón một số đoàn khách nước ngoài thuộc các tàu du lịch sang thăm Hải Phòng. Tại đây du khách được đi thăm một số làng nghề hoặc trực tiếp đến các gia đình tại địa phương để hiểu biết cách sinh hoạt hàng ngày của gia đình một số nông dân hay trực tiếp tham gia vào công việc tạo ra sản phẩm thủ công mỹ nghệ của các làng nghề truyền thống như mây tre đan Chính Mỹ, làng đá mỹ nghệ Minh Tân.. Tuy nhiên hiệu quả khai thác chưa cao do còn tồn tại một số vấn đề như

giao thông chưa thực sự thuận lợi, vấn đề vệ sinh môi trường, sản phẩm du lịch chưa phong phú, hơn nữa nhận thức của người dân tại điểm đến chưa cao.

2.4.3 Hoạt động của các công trình kiến trúc

Công trình kiến trúc mới tiêu biểu và đáng chú ý nhất là tổ hợp khu resort sông Giá. Sau khi hoàn thành giai đoạn một đã được đưa vào hoạt động ngày 17/12/2010. Khu resort khai trương vào những ngày cuối năm đã kịp đón mừng khách vào ngày lễ giáng sinh và năm mới 2011. Từ khi khai trương đến nay khu du lịch đã thu hút một lượng khách khá lớn đến tham quan, giải trí và mua sắm nhưng thành phần khách chủ yếu là khách nước ngoài: Hàn Quốc, Anh, Nhật... Đó là những đối tượng khách có khả năng chi trả cao. Lượng khách nội địa tương đối thấp. Công trình kiến trúc này đã và đang được khai thác khá hiệu quả.

2.4.4 Các hoạt động trên Sông Giá

Hàng năm vào các ngày hội cả đất nước, ngày lễ tết hay các dịp kỉ niệm của Hải Phòng và huyện Thủy Nguyên, phòng văn hóa thông tin huyện có phương án tổ chức các hoạt động lễ hội, trò chơi trên sông Giá như bơi lội, đua thuyền, bóng nước. Tuy vậy các trò chơi này diễn ra trên quy mô nhỏ, thu hút lượng người tham gia và cổ vũ rất ít, chỉ có một số dân xung quanh lưu vực như xã Lưu Kiếm, Minh Tân, Kênh Giang... Do công tác tuyên truyền quảng bá còn kém và đạt hiệu quả thấp nên các hoạt động này chưa có sự thu hút và chưa tạo được sức lan tỏa ra toàn huyện cũng như thành phố. Hoạt động du lịch như du thuyền, câu cá dành cho khách hầu như là không có hoặc rất ít bởi cơ sở vật chất phục vụ du lịch không được chú ý và đầu tư đúng mức.

2.5 Đánh giá chung

2.5.1 Những lợi ích từ du lịch mang lại

2.5.1.1 Phát triển kinh tế xã hội ở lưu vực sông Giá

Du lịch phát triển ở lưu vực Sông Giá sẽ tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương làm việc tại các khu du lịch. Khi điểm du lịch phát triển mạnh cũng chính là tạo cơ hội kinh doanh mới cho người dân. Chính vì vậy đời sống người dân được tăng lên đáng kể nhờ du lịch.

Ngành du lịch có mối quan hệ chặt chẽ với các ngành kinh tế khác thế nên du lịch hỗ trợ một cách tích cực cho sự phát triển của kinh tế địa phương.

Phát triển du lịch giúp cải thiện chất lượng các sản phẩm dịch vụ, hạ tầng du lịch ở các địa phương như hệ thống giao thông vận tải, đường sá, điện nước, các nhà hàng, cửa hiệu và các nhà nghỉ trong khu vực. Để đáp ứng cho du lịch thì các hoạt động văn hóa ở địa phương như làng nghề thủ công, các loại hình biểu diễn nghệ thuật và âm nhạc được khuyến khích phát triển rộng rãi. Việc giữ gìn bản sắc văn hóa của người dân địa phương cũng được nâng cao nhờ lòng tự hào về bản sắc văn hóa bản địa.

Khu du lịch lưu vực sông Giá phát triển mạnh là điều kiện để người dân địa phương có nhiều cơ hội giải trí nâng cao chất lượng cuộc sống.

Thông qua du lịch khách du lịch đến với lưu vực sông Giá cùng với sự giao lưu văn hóa giữa khách và người dân địa phương sự hiểu biết lẫn nhau sẽ tăng lên dẫn đến phá bỏ các hàng rào mới về ngôn ngữ, các hàng rào về xã hội, tôn giáo và chủng tộc giúp người dân địa phương tiếp xúc với những tư tưởng mới, những lối sống mới và nền văn hóa mới.

2.5.1.2 Môi trường xanh- sạch- đẹp

Du lịch đòi hỏi yêu cầu vệ sinh và các dịch vụ y tế phải được nâng cao. Đòi hỏi nhà đầu tư và chính quyền địa phương phải có chính sách và biện pháp trong các công tác như xử lý rác và nước thải. Như vậy dịch vụ môi trường sẽ được nâng cao, môi trường sẽ trong sạch hơn.

Du lịch phát triển sẽ là động cơ phục hồi các công trình kiến trúc mang tính lịch sử, cải thiện diện mạo của khu du lịch, của địa phương trong lưu vực hợp với thị giác và có tính thẩm mỹ. Du lịch cải thiện môi trường sinh thái ở nhiều khía cạnh.

2.5.1.3 Hình ảnh Sông Giá được quảng bá thông qua du lịch

Sông Giá là con sông nhỏ trong rất nhiều con sông khác ở trong khu vực huyện Thủy Nguyên và Hải Phòng nói chung. Khi du lịch chưa phát triển sông Giá không được biết đến và ngược lại khi du lịch phát triển là cơ hội để quảng bá hình ảnh con sông với những giá trị về mặt lịch sử và những giá trị về mặt mỹ quan. Dòng sông Giá êm đềm thơ mộng, nước sông Giá quanh năm trong xanh. Người dân địa phương nơi có con sông chảy qua sẽ thêm tự hào về quê hương của mình. Sông Giá được biết đến như một hình ảnh mới, một khu du lịch mới đẹp và hấp dẫn.

2.5.2 Những hạn chế cần khắc phục

2.5.2.1 Môi trường sinh thái

Sông Giá là do thiên tạo cho đến nay khi du lịch bắt đầu phát triển các tác động của con người còn ở quy mô nhỏ. Do sự tác động và cải tạo của con người rất ít nên con sông vẫn mang nét hoang sơ. Dọc hai bên bờ sông chạy dài là cỏ cây mọc với những bờ le, bờ dứa...

Người dân địa phương chưa ý thức được giá trị của con sông nên không có các biện pháp để bảo vệ. Hàng ngày con sông Giá vẫn phải hứng chịu biết bao nhiêu nguồn nước thải, rác thải đổ ra từ dân cư địa phương.

2.5.2.2 Quy hoạch phát triển lưu vực Sông Giá

Huyện Thủy Nguyên nói chung và lưu vực sông Giá nói riêng mặc dù đa dạng về tài nguyên nhưng trong những năm qua hoạt động du lịch chưa phát triển và nếu có phát triển thì cũng rất đơn lẻ, manh mún. Nguyên nhân là do thiếu sự đầu tư hợp tác khai thác một cách hợp lý, khoa học và hiệu quả.

Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch trong lưu vực ít, thiếu đồng bộ, hoạt động tự phát, thiếu cả về số lượng và chất lượng. Các loại hình dịch vụ hỗ trợ hầu như không có.

Lưu vực sông Giá bao gồm rất nhiều các địa phương khác nhau. Hoạt động du lịch mang tính thời vụ cao chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên du lịch nhân văn đặc biệt là các di tích, lễ hội nên mùa du lịch ngắn chỉ tập trung vào tháng Giêng, tháng Hai âm lịch. Do từng địa phương khác nhau nên việc tổ chức và khai thác lễ hội khác nhau, còn nhiều bất cập. Phần lớn chưa khai thác được bản sắc riêng của văn hóa, chưa có sự đầu tư về hình thức tổ chức và cơ sở vật chất nên thiếu tính hấp dẫn với du khách.

Ở từng địa phương khác nhau có các chính sách phát triển và đầu tư khác nhau. Việc đầu tư cho công tác quảng bá, xúc tiến du lịch hay công tác bảo vệ môi trường còn mang tính tự phát ảnh hưởng không nhỏ đến thuần phong mỹ tục hay một số công tác khác. Khách du lịch cũng không biết đến lưu vực sông Giá thông qua các hoạt động truyền thông.

Các địa phương có các điểm du lịch gần như không có sự phối kết hợp với các đơn vị liên quan trong hình thành và xây dựng các tour, tuyến du lịch đặc biệt là sự phối kết hợp với các doanh nghiệp lữ hành trong và ngoài thành phố trong việc quảng bá đưa thông tin về sản phẩm du lịch cho khách là hầu như không có. Vì vậy

sản phẩm du lịch của các địa phương lưu vực sông Giá vẫn đang ở giai đoạn hình thành, chậm hoặc không đưa vào khai thác được.

2.5.2.3 Phương cách tận dụng nguồn tài nguyên nước của Sông Giá

Sông Giá với chiều dài trên 16km kéo dài từ đập Minh Đức đến đập Phi Liệt, chiều rộng khoảng 300m và độ sâu từ 5-6m. Như vậy diện tích nước mặt là khá lớn. Tuy nhiên vẫn chưa tận dụng được tài nguyên nước mặt của sông Giá. Nếu có tận dụng được thì hiệu quả khai thác cũng tương đối thấp và kém chất lượng.

Tiểu kết chương 2

Thủy Nguyên nói chung và lưu vực sông Giá nói riêng có rất nhiều điều kiện để phát triển văn hóa du lịch. Bên cạnh các công trình kiến trúc mới được xây dựng đã và đang đưa vào khai thác sử dụng thì cũng có nhiều công trình đang được đầu tư xây dựng.

Tài nguyên du lịch sông Giá đa dạng và giàu tiềm năng phát triển. Nếu được đầu tư đúng mức và có các biện pháp chính sách phát triển đúng đắn phù hợp sẽ khai thác được những lợi thế của khu vực này phục vụ du lịch.

Chương 3 Định hướng và một số giải pháp phát triển du lịch

ở lưu vực sông Giá huyện Thủy Nguyên

3.1 Vai trò và đóng góp của sự phát triển văn hóa du lịch ở lưu vực sông Giá

Phát triển văn hóa du lịch lưu vực sông Giá sẽ đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển văn hóa du lịch ở huyện Thủy Nguyên và thành phố Hải Phòng nói chung. Đây sẽ là tiền đề để xây dựng những tuyến du lịch mới hấp dẫn hơn, kết hợp khai thác cùng với các tuyến du lịch đã được khai thác nhằm tăng doanh thu cho địa phương trong lĩnh vực du lịch.

Các tuyến du lịch mới được hình thành, các tour du lịch mới được tạo ra thì đa dạng được các loại hình du lịch đáp ứng nhu cầu đa dạng của các thành phần khách khác nhau.

Phát triển văn hóa du lịch ở lưu vực sông Giá là yếu tố thu hút mạnh mẽ khách du lịch tới Thủy Nguyên và Hải Phòng. Hình ảnh của du lịch sẽ được quảng bá rộng rãi, được biết đến thông qua công tác tuyên truyền và sự quảng cáo của khách du lịch.

Du lịch phát triển thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Giúp cho đời sống của nhân dân được cải thiện và dần nâng cao. Các công trình công cộng, công trình phụ trợ, đường xá, điện nước..tốt hơn, môi trường được quan tâm và bảo vệ.

3.2 Định hướng phát triển loại hình du lịch của lưu vực sông Giá.

Du lịch là ngành kinh tế tiềm năng của huyện Thủy Nguyên. Tuy ngành này chưa phát triển nhưng nó hứa hẹn một tương lai phát triển tốt. Lưu vực sông Giá được coi là trọng điểm phát triển du lịch của huyện. Với hệ thống tài nguyên du lịch đa dạng phong phú các địa phương dọc tuyến sông có khả năng phát triển rất nhiều loại hình du lịch khác nhau có hiệu quả cao.

Tuyến sông Giá có chiều dài trên 16km với các điều kiện về vị trí, phong cảnh và nguồn nước... sẽ rất thuận lợi phát triển loại hình du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái và du lịch thể thao với các hoạt động khác trên sông. Sông Giá và sông Bạch Đằng lịch sử sẽ trở thành tour du lịch băng thuyền hấp dẫn. Du thuyền theo dòng sông Giá, bạch Đằng chảy giữa trập trùng non xanh, núi biếc, ngoài ngắm cảnh sông núi hữu tình, du khách sẽ được hướng dẫn giới thiệu về những kì tích của các ngọn núi, khúc sông với truyền thống "Đề giang tự cổ huyết do hồng".

Các địa phương trên lưu vực sông với các làng nghề truyền thống, nhiều vườn cây ăn trái có thể phát triển loại hình du lịch miệt vườn, du lịch làng nghề

Ở các cụm di tích lịch sử, các hang động... phát triển loại hình du lịch văn hóa, du lịch văn hóa lễ hội, du lịch tham quan nghiên cứu.

3.3 Một số giải pháp phát triển văn hóa du lịch trên lưu vực sông Giá_ huyện Thủy Nguyên

3.3.1 Giải pháp quy hoạch đồng bộ tuyến du lịch sông Giá

Xuôi dòng sông Giá, bên tả là các xã Liên Khê, Lưu Kiếm, Minh Tân và thị trấn Minh Đức. Bên Hữu là các xã Lại Xuân, Kỳ Sơn, Chính Mỹ, Kênh Giang, Hòa Bình, Trung Hà, Tam Hưng, Ngũ Lão. Các xã khác nhau tùy theo điều kiện kinh tế, xã hội và vị trí khác nhau nên có chính sách và giải pháp phát triển khác nhau về các lĩnh vực và du lịch cũng nằm trong đó. Chính vì vậy trên lưu vực sông Giá hiện nay chưa có sự quy hoạch tổng thể trên toàn khu vực. Hầu hết các địa phương làm du lịch theo kiểu "thân ai nấy lo" tức là địa phương nào có tài nguyên thế nào thì phát triển loại hình du lịch đó, rất manh mún, đơn lẻ, chưa có sự liên kết. Do không có quy hoạch đã gây một số tác động không tốt đến sự phát triển.

Về công tác tổ chức du lịch khi không có quy hoạch tổng thể thì cách tiếp cận với marketing du lịch và phát triển du lịch bị chắp vá. Lúc đó cũng không thể đại

diện đầy đủ được sự quan tâm của ngành du lịch làm cho sự hỗ trợ của các cơ quan có thẩm quyền rất ít thậm chí là không có.

Quy hoạch tổng thể lưu vực không đồng bộ và cấp độ xã không chi tiết còn làm cho tính thời vụ du lịch rất cao và thời gian lưu lại của khách ngắn, chất lượng các tiện nghi và dịch vụ du lịch kém do đầu tư đơn lẻ, chưa được quan tâm đúng mức. Các dịch vụ thông tin du lịch không thích hợp chính là nguyên nhân làm hạn chế sự phát của du lịch. Vì vậy để du lịch phát triển cần thực hiện một số giải pháp quy hoạch.

- Thực hiện quy hoạch môi trường. Tất cả các yếu tố của môi trường phải khảo sát và phân tích và cân nhắc để xác định những loại hình du lịch cũng như những địa bàn phát triển du lịch thích hợp. Dựa trên các điều kiện của huyện nói chung và các xã nói riêng thực hiện quy hoạch không làm ảnh hưởng đến môi trường. Xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch đồng bộ, toàn diện không làm ảnh hưởng môi sinh.

- Quy hoạch dựa trên lợi ích cộng đồng địa phương. Điều này có nghĩa là khi quy hoạch tổng thể lưu vực sông Giá phải hài hòa lợi ích của dân địa phương. Kết hợp phát triển du lịch của địa phương này với địa phương khác đem lại lợi ích cho dân.

- Các địa phương dọc tuyến sông khi đầu tư phát triển du lịch phải liên kết hợp tác với nhau tránh sự thiếu đồng bộ làm mất cân bằng, mất mỹ quan, hạn chế sự phát triển của du lịch.

- Chú trọng công tác quy hoạch phát triển ở các làng nghề truyền thống như mây tre đan Chính Mỹ, làng đá mỹ nghệ Minh Tân... Khuyến khích nhân dân địa phương duy trì và phát triển làng nghề tạo sản phẩm du lịch cung ứng cho khách. Khách du lịch đến làng nghề không chỉ để tham quan mà còn mua sắm, tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất.

- Các địa phương dọc tuyến sông Giá phải có sự quy hoạch đồng bộ tuyến. Không thể để xảy ra tình trạng địa phương này phát triển loại hình này nhưng địa

phương khác lại phát triển loại hình khác cản trở sự phát triển. Như vậy sẽ làm cho du lịch không thể phát triển.

- Phải nhận thức được tầm quan trọng của các loại tài nguyên nhân văn trong sự phát triển của hoạt động du lịch nói chung để quan tâm tới công tác bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích lịch sử. Ở các cụm di tích lịch sử thì cần quy hoạch với các hạng mục như: bia, đài tưởng niệm, nhà truyền thông di tích lịch sử, khu vực dịch vụ, bãi đỗ xe...

- Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch: Hệ thống các cơ sở lưu trú, hệ thống cơ sở phục vụ nhu cầu ăn uống, hệ thống các cơ sở phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí. Các hệ thống này phải đảm bảo về mỹ quan, môi trường, dân cư.

- Lưu vực sông Giá khi phát triển du lịch sẽ lấy thị trấn Minh Đức làm điểm tập kết du lịch của tour du lịch trên sông đồng thời là trung tâm du lịch của tuyến. Bên cạnh các điểm tham quan nổi tiếng như cụm di tích đền thờ và lăng mộ Hoàng tôn Trần Quốc Bảo, Khu linh Từ Tràng kênh với Đức Thánh Trần... thì nên quy hoạch thị trấn Minh Đức mới có hẳn các dãy phố chuyên mua bán các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, khu nhà hàng, khách sạn, trung tâm thương mại, khu thể thao- vui chơi giải trí hiện đại..

3.3.2 Giải pháp về mặt quản lý

Huyện Thủy Nguyên là một huyện lớn của thành phố Hải Phòng, du lịch đã phát triển nhưng không có cơ quan chuyên môn nào chăm lo đến công tác du lịch. Vì thế để quản lý và làm tốt công tác du lịch cần thành lập phòng quản lý du lịch thuộc phòng Văn hóa thông tin thể thao và du lịch của huyện để tham mưu cho các cấp có thẩm quyền trong công tác xây dựng phát triển du lịch huyện

Du lịch Thủy Nguyên nói chung và du lịch lưu vực sông Giá nói riêng vì mới bắt đầu và đang phát triển chậm nên cần có sự quan tâm của các cơ quan chức năng, những người có thẩm quyền trong việc giải quyết các thủ tục hành chính, thực hiện

một số chính sách khuyến khích đầu tư, giảm bớt một số thủ tục không cần thiết nhằm thúc đẩy tiến độ thực hiện một số dự án du lịch.

Kết hợp với các cơ quan chức năng như chính quyền địa phương sở tại, công an..giúp các nhà đầu tư trong việc giải phóng mặt bằng dự án cũng như bảo vệ an toàn về tính mạng của khách khi các điểm du lịch, khu du lịch đưa vào hoạt động. Các cơ quan chức năng cũng cần chấn chỉnh công tác quản lý tại các điểm di tích, các khu du lịch, các lễ hội để hạn chế các hiện tượng tiêu cực như tụ tập chèo kéo, mê tín dị đoan, buôn thần bán thánh, cờ bạc...làm cho môi trường ở các lễ hội, các di tích, đền chùa..trở nên không lành mạnh.

Các cơ quan chức năng phải coi trọng công tác bảo vệ, bảo đảm không mất mát đi các tài nguyên du lịch có giá trị như các di vật ở di chỉ Tràng Kênh là những di sản có giá trị rất lớn của dân tộc. Hay các pho tượng có giá trị lịch sử ở các chùa Thụ Khê, chùa Mai Động, đền thờ Trần Quốc Bảo.

Một vấn đề hết sức quan trọng cần quan tâm đó là công tác quản lý về vấn đề môi trường trong hoạt động du lịch. Du lịch là một ngành kinh tế mà vấn đề môi trường khá nhạy cảm vì lượng nước thải, rác thải từ các hoạt động du lịch là khá lớn mà nó tập trung ở các điểm du lịch, các di tích, lễ hội..rất dễ gây quá tải với môi trường nếu không có các biện pháp hạn chế.Ví dụ như nguồn nước trên sông Giá như tình trạng hiện nay thì việc xây dựng khu chung cư cao cấp, khu vui chơi giải trí, khu sân golf sẽ làm cho sông Giá phải hứng chịu lượng thuốc trừ sâu, trừ cỏ, nước thải khá lớn nếu công tác môi trường không được quan tâm. Để môi trường được bảo vệ cần có chế tài xử phạt thật nghiêm đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp nào không thực hiện tốt công tác môi trường, gây ảnh hưởng xấu cho môi trường. Ở các khu di tích, đền chùa, hang động..cần để các thùng rác công cộng, xây dựng các nhà vệ sinh đủ tiêu chuẩn, xây dựng các biển báo chỉ dẫn và giáo dục ý thức của khách du lịch. Ở khu sân golf, khu vui chơi giải trí khi xây dựng và đưa vào sử dụng phải quan tâm xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, không làm hư hại môi trường xung quanh.

Các cơ quan chức năng cũng cần quan tâm tới công tác cấp điện, nước sinh hoạt phục công tác du lịch. Không để xảy ra hiện tượng mất điện, nước ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch ở lưu vực sông Giá. Từng bước hoàn thiện tổ chức nâng cao vai trò quản lý, điều hành và giám sát du lịch. Quản lý tập trung, đồng bộ tránh tình trạng quản lý khác nhau dẫn đến cách làm khác nhau ảnh hưởng đến sự phát triển toàn khu vực.

Coi trọng công tác hướng dẫn và chấn chỉnh hoạt động đối với các cơ sở kinh doanh lưu trú, vui chơi giải trí. Định hướng giúp các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch đúng với pháp luật. Tăng cường kênh thông tin quản lý giữa các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn với các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch của huyện và thành phố.

Cần có những biện pháp để tiến hành rà soát lại hệ thống các di tích lịch sử văn hóa, các lễ hội truyền thống làm cơ sở cho công tác quản lý nhằm phù hợp với quy mô, đặc điểm của từng lễ hội, từng di tích và từng địa phương trên lưu vực sông Giá.

3.3.3 Giải pháp về mặt đầu tư

Tranh thủ mọi nguồn lực để phát triển hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động du lịch. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa cho phát triển du lịch, thực hiện các chính sách nhằm kích thích sự đầu tư của xã hội vào các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể theo các hình thức: đầu tư, liên doanh, tài trợ, hỗ trợ, xây dựng các chính sách đầu tư khai thác hợp lý trên cơ sở xác định rõ loại hình sản phẩm du lịch phù hợp với tài nguyên và điều kiện cụ thể của lưu vực.

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện các dự án trọng điểm: dự án sông Giá resort giai đoạn 2..., xây dựng dự án tổng thể, bảo tồn, trùng tu, tôn tạo và khai thác các di tích lịch sử, văn hóa.

Thành phố nói chung và huyện Thủy Nguyên nói riêng cần có những chính sách mở rộng đầu tư, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào các di tích, các điểm du lịch. Kêu gọi các tổ chức, cá nhân đóng góp vào việc gìn giữ, tu bổ, tôn tạo lại khu di tích, danh lam thắng cảnh.

Cần có các chính sách và biện pháp tích cực hơn trong công tác đầu tư, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch gồm hệ thống giao thông vận tải, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cung cấp điện nước...

+ Hệ thống giao thông vận tải: Mạng lưới giao thông được coi là nền tảng quan trọng cho các hoạt động khai thác du lịch. Hầu hết các điểm du lịch, các di tích lịch sử có giá trị du lịch trên lưu vực sông Giá thì hệ thống giao thông phục vụ du lịch ở các di tích này hầu hết chưa đáp ứng được yêu cầu và việc di chuyển bằng các phương tiện ô tô loại lớn vào các điểm di tích rất khó khăn. Chính vì vậy để nâng cao chất lượng phục vụ du lịch thì cần quan tâm tới công tác quản lý phương tiện, giải tỏa hành lang an toàn giao thông. Cần có các biện pháp để duy tu, sửa chữa, mở rộng hệ thống đường giao thông phục vụ du lịch. Để phục vụ tour du lịch bằng thuyền trên sông Giá thì cần đầu tư vào việc mua sắm thiết bị tàu thuyền du lịch hiện đại, tiện nghi và đảm bảo an toàn.

+ Hệ thống thông tin liên lạc: Mạng lưới thông tin liên lạc góp phần đáng kể cho sự phát triển của ngành du lịch. Khi thông tin liên lạc thông suốt, thuận tiện khách du lịch sẽ tới điểm du lịch đó nhiều hơn. Chính vì vậy việc nâng cấp, đưa vào sử dụng những kỹ thuật mới trong thông tin liên lạc là cần thiết và cần được quan tâm nhiều hơn.

+ Hệ thống cung cấp điện nước: Hệ thống cung cấp điện nước phục vụ du lịch ở các điểm du lịch trên lưu vực sông Giá hiện nay còn yếu kém. Nhiều điểm di tích chưa cung cấp đủ nước sạch phục vụ. Nếu lượng khách đông thì khả năng đáp ứng là kém vì thế để phục vụ du lịch các cấp chính quyền cần có chính sách đầu tư, xây mới và tu sửa hệ thống điện nước.

+Hệ thống cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ du lịch: Hiện nay trên địa bàn huyện Thủy Nguyên thì hệ thống nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí là tương đối ít và chất lượng phục vụ chưa cao, chưa đáp ứng được các yêu cầu đề ra trong công tác phục vụ du lịch. Các cơ sở lưu trú đều có quy mô nhỏ và vừa, chất lượng phục vụ hạn chế, phần lớn chỉ dừng lại ở việc cung cấp dịch vụ lưu trú đơn thuần, thiếu các dịch vụ bổ sung khác như Spa, thẩm mỹ... vì vậy chất lượng phục vụ khách kém đặc biệt là với những đối tượng khách có khả năng chi trả cao. Các cơ sở phục vụ ăn uống có rất ít và chưa đủ tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đoàn lớn và trong thời gian dài. Ngoài khu resort sông Giá mới được đưa vào hoạt động thì trên địa bàn có rất ít khu vui chơi phục vụ khách. Hầu hết khách du lịch tới đây chỉ là đi tham quan đơn thuần. Chính vì thế để thu hút khách và lưu giữ được khách ở lại lâu hơn thì cần nhanh chóng xây dựng thêm các cơ sở lưu trú, cơ sở ăn uống, vui chơi giải trí. Từng bước đầu tư các cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại để phục vụ đa dạng nhu cầu của khách cũng như thành phần khách.

Xác định rõ thế mạnh và hạn chế của các làng nghề, tìm ra các sản phẩm đặc trưng, để phát huy tối đa tiềm năng của làng nghề. Song song với việc đó là bảo tồn, khôi phục làng nghề phục vụ mục đích du lịch

3.3.4 Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực

Cùng với việc thực hiện tốt công tác quy hoạch, đẩy mạnh công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng du lịch cần quan tâm bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực du lịch; chú trọng phổ cập kiến thức, nâng cao trình độ văn hóa, nghiệp vụ kinh doanh cho dân cư ở trên lưu vực.

Tăng cường các biện pháp đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác du lịch.

+Nâng cao năng lực và kiến thức quản lý Nhà Nước trong lĩnh vực du lịch cho đội ngũ cán bộ các xã trên lưu vực sông Giá.

+ Tăng cường chuyên môn hóa cho cán bộ làm công tác bảo tồn, quản lý khai thác di tích, danh lam thắng cảnh.

+Phối hợp cùng Sở văn hóa thể thao và du lịch thành phố, các trường nghiệp vụ du lịch mở các lớp bồi dưỡng, nâng cao chất lượng cho đội ngũ lao động trong ngành du lịch. Từng bước chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên phục vụ tại các điểm, các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch; chú trọng mở các lớp đào tạo hướng dẫn viên, thuyết minh viên điểm là người địa phương nhằm củng cố kiến thức về văn hóa lịch sử, thuần phong mỹ tục của địa phương cho đội ngũ cán bộ làm văn hóa và du lịch tại địa phương có thể đáp ứng nhu cầu về thông tin tại điểm du lịch cho khách.

+Thường xuyên nâng cao nhận thức về luật du lịch và các văn bản liên quan, các chế độ chính sách của Đảng và Nhà Nước cho các chủ của các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch.

3.3.5 Tăng cường sự phối hợp giữa các địa phương, các ngành chức năng xây dựng tuyến điểm du lịch phù hợp

Thủy Nguyên là huyện nằm ở phía Bắc thành phố Hải Phòng với thế mạnh về địa lý với tư cách là một huyện ven đô liền kề nội thành Hải Phòng, đây được xem là chiếc cầu nối giữa Hải Phòng với thành phố Hạ Long, cửa khẩu quốc tế Móng Cái và các tỉnh đồng bằng sông Hồng. Với các trục giao thông bộ, thủy quan trọng chạy qua quốc lộ 10, sông Cửa Cấm, sông Bạch Đằng...từ Thủy Nguyên có thể tỏa đi các tỉnh đồng bằng sông Hồng, các tỉnh trung du miền núi phía Bắc, các tỉnh phía Nam và các nước trong khu vực tương đối thuận lợi. Điều này đưa đến cho Thủy Nguyên những lợi thế đặc biệt trong hoạt động du lịch. Vì vậy thành phố Hải phòng và huyện Thủy nguyên cần có sự phối hợp, hợp tác với các cơ quan chức năng trong việc quản lý, xây dựng và phát triển du lịch lưu vực sông Giá. Phối hợp với các doanh nghiệp xử hành thông tin, quảng bá, mở rộng hình ảnh du lịch của vùng.

Phối kết hợp với Sở văn hóa thể thao và du lịch Hải Phòng và các địa phương, các công ty lữ hành nâng cao chất lượng tuyến du lịch bắc Hải Phòng. Phối kết hợp với các địa phương trong huyện, trong thành phố và các tỉnh lân cận trong công tác làm du lịch. Cần tạo mối quan hệ thường xuyên và ổn định với các cơ quan, tổ chức này nhằm nâng cao sự hợp tác. Phối hợp giữa các cơ quan để thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề về du lịch để nâng cao chất lượng phục vụ du lịch, rút kinh nghiệm trong công tác làm du lịch cũng như các biện pháp để thu hút khách

Xây dựng các tuyến điểm du lịch với sự đa dạng về loại hình và đa dạng về thành phần khách phục vụ nhằm thu được hiệu quả cao nhất trong công tác du lịch. Trên cơ sở những tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn phong phú của lưu vực, Sở Văn hóa thể thao và du lịch phối hợp với các công ty lữ hành xây dựng và khai thác tuyến du lịch Bắc sông Cấm. Tuyến du lịch được xây dựng trên cơ sở một số tuyến du lịch phù hợp khai thác tối đa nguồn tiềm năng du lịch huyện Thủy Nguyên nói chung lưu vực sông Giá nói riêng kết hợp khai thác các điểm du lịch hấp dẫn khác của Hải Phòng như Đồ Sơn, Cát Bà và các tỉnh thành lân cận như Quảng Ninh, Hải Dương, Hà Nội. Nếu sự hợp tác này thành công chắc chắn sẽ làm cho du lịch lưu vực sông Giá, du lịch Thủy Nguyên và du lịch Hải Phòng có những bước phát triển mới mạnh mẽ hơn trong tương lai không xa.

Các ngành chức năng khác tham gia vào công tác quản lý du lịch như quản lý các vấn đề về an ninh, vệ sinh môi trường....

3.3.6 Biện pháp tuyên truyền quảng bá hình ảnh du lịch

Tăng cường phối kết hợp chặt chẽ với các ban ngành, các đoàn thể, tổ chức, xã hội, các công ty lữ hành trong và ngoài thành phố trong việc thông tin quảng bá về các di tích, danh thắng, lễ hội. Tăng cường kênh thông tin giữa các đơn vị lữ hành, tổ chức hội chợ thương mại du lịch, ưu tiên chú trọng giới thiệu sản phẩm, đặc phẩm, đặc trưng của địa phương.

Tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch trên các phương tiện thông tin và truyền thông để du khách biết đến hình ảnh du lịch địa phương. Các phương tiện truyền thông như Đài truyền hình Hải Phòng hay Đài truyền hình Việt Nam, các tạp chí, báo mạng..là những phương tiện quảng cáo đạt hiệu quả cao vì vậy nên xây dựng những chương trình quảng cáo ấn tượng và đặc sắc nhằm thu hút sự chú ý theo dõi của mọi đối tượng khách khác nhau cả trong và ngoài nước.

Xây dựng và phát hành các ấn phẩm giới thiệu về du lịch Thủy Nguyên cũng như du lịch lưu vực sông Giá như các đĩa CD, phim tư liệu sẽ là các tài liệu chỉ dẫn du lịch cho du khách, các nhà đầu tư, các nhà nghiên cứu. Đầu tư xây dựng các văn phòng tư vấn, các trung tâm thông tin du lịch để du khách có thể tìm hiểu thông tin một cách dễ dàng và nhanh chóng nhất. In ấn các loại ấn phẩm để lưu thông sử dụng như tờ rơi, tập tin, tập gấp để phát hành ở các công ty, xí nghiệp, các phương tiện vận chuyển như xe buýt, xe khách trên địa bàn thành phố cũng như các tỉnh khác để quảng bá du lịch đồng thời đó sẽ là tài liệu dễ hiểu cho khách khi tới du lịch.

Tiểu kết chương 3

Với những định hướng phát triển như đã nêu thì sự phát triển văn hóa du lịch của lưu vực sông Giá sẽ có những đóng góp không nhỏ cho du lịch Thủy Nguyên và du lịch Hải Phòng nói chung.

Nhưng để có những sự phát triển và đóng góp đó thì không thể thiếu các chính sách đúng đắn và hiệu quả. Các cấp chính quyền và những người làm công tác du lịch cần quan tâm tới các biện pháp trên thì du lịch mới phát triển mạnh mẽ được.

KẾT LUẬN

Từ các phân đã trình bày ở trên có thể đi tới một số kết luận như sau:

Du lịch ngày nay là nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống. Du lịch tác động đến hầu hết các lĩnh vực của cuộc sống. Đời sống vật chất đầy đủ nên những yêu cầu trong đời sống tinh thần đòi hỏi ngày càng cao và để du lịch phát triển phục vụ du lịch thì các tài nguyên du lịch đóng vai trò quan trọng. Vì vậy ngành du lịch hiện nay cần coi trọng nguồn tài nguyên đã, đang khai thác cũng như tìm ra các nguồn tài nguyên mới có giá trị hơn, hấp dẫn hơn.

Thủy Nguyên nói chung và lưu vực sông Giá nói riêng hội tụ nhiều loại tài nguyên có giá trị phục vụ cho sự phát triển du lịch. Tuy vậy thì sự phát triển hiện nay của khu vực chưa tương xứng với tiềm năng hiện có.

Để xây dựng khu du lịch lưu vực sông Giá phát triển thành điểm du lịch nổi bật trong du lịch Thủy Nguyên thì bên cạnh những cái có sẵn có thì thành phố, huyện và những người quan tâm tới sự phát triển du lịch của vùng cần thực hiện một số biện pháp và chính sách nhằm thúc đẩy du lịch phát triển hoàn thiện tương xứng với tiềm năng như quy hoạch du lịch vùng, các chính sách về đầu tư, quảng bá hay đào tạo nhân lực..

Với tất cả những tài nguyên du lịch sẵn có và những tài nguyên mới được đầu tư xây dựng thì du lịch lưu vực sông Giá hy vọng sẽ có những bước chuyển biến đáng kể trong thời gian tới. Và đóng góp vào sự phát triển chung của du lịch Thủy Nguyên cũng như du lịch Hải Phòng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- **Ban sử Thủy Nguyên, 1989.** Đất và người Thủy Nguyên. NXB Hải Phòng
- 2- **Nguyễn Minh Tuệ và nhóm tác giả, 1997.** Địa lý du lịch. NXB tp Hồ Chí Minh
- 3- **Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, 2005 .** Luật du lịch. NXB Tư Pháp
- 4- **Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn Hải Phòng,2001-2002.** Một số di sản văn hóa tiêu biểu của Hải Phòng; Tập I, II. NXB Hải Phòng
- 5- **Nguyễn Văn Đỉnh và Trần Thị Minh Hòa.** Kinh tế du lịch. NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân
- 6- **Bùi Thị Hải Yến.** Tài nguyên du lịch. NXB Giáo Dục
- 7- **Đinh Thị Kim Thùy.Vh 1004.** Xây dựng các tuyến du lịch văn hóa dọc các sông quanh huyện Thủy Nguyên. Khóa luận tốt nghiệp 2010
- 8- **Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên.2010.** Phòng văn hóa và thông tin.11/2010. Báo cáo kết quả công tác năm 2010 và phương hướng nhiệm vụ năm 2011.
- 9- **Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên.2009.** Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Nghị Quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2006 của Ban Thường Vụ Thành Ủy về phát triển du lịch Hải Phòng giai đoạn 2006-2010, định hướng phát triển đến năm 2020.
- 10- **www.Thuynghuyen.com.vn**
- 11- **www.dulichhaiphong.gov.vn**